



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TPHCM

Sdt: 848.38.362.369

Fax: 848.38.362.376

Email: casumina@casumina.com

Website: www.casumina.com



CASUMINA
BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

“Hiệp đồng hợp tác – Vững bước thành công”



CASUMINA

BẠN ĐƯỜNG TÍN CẬY

GIỚI THIỆU CHUNG

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả kinh doanh

Đánh giá tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm 2014

Kế hoạch hoạt động năm 2015



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các nội dung khác



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán

Nội dung báo cáo



CASUMINA

BẠN ĐƯƠNG TIN CẬY

THÔNGIỆP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Câu nói của Steve Jobs với các đồng nghiệp của ông mà tôi rất thích và tôi xin mượn câu nói này để truyền tải đến Quý cổ đông, các nhà đầu tư cổ phiếu CSM như một thông điệp đó là: “Hãy bắt tay vào làm việc đi”.

Năm 2014, Casumina đã “bắt tay” vào những mục tiêu quan trọng mà trong số đó quan trọng nhất bao gồm: 1) Đảm bảo ROE 30%; 2) Hoàn tất lắp đặt thiết bị và sản xuất thương mại lốp radial toàn thép giai đoạn 1; 3) Tăng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu đạt mức 30% trong cơ cấu doanh thu. Casumina đã nỗ lực rất nhiều và đạt được 2/3 mục tiêu quan trọng trên: ROE 31%, Nhà máy lốp radial hoàn thành đúng tiến độ và có sản phẩm thương mại vào tháng 05/2014 - nhà máy được đánh giá là hiện đại nhất Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; Mục tiêu thứ ba về tăng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu, casumina đã chưa thể đạt được. Ngoài những yếu tố khách quan không thuận lợi thì sự chủ động điều chỉnh giảm giá bán trong chính sách bán hàng của Công ty là nguyên nhân chủ yếu. Khi nhìn vào tổng thể toàn thị trường xuất khẩu cho thấy vẫn có mức tăng trưởng về sản lượng, Casumina đã khai phá thêm những khu vực xuất khẩu mới nhiều tiềm năng.

Câu nói trên cũng được tôi truyền tải và tạo cảm hứng đến đội ngũ CEO và toàn thể CB-CNV Casumina trong việc tạo được môi trường làm việc hợp tác, phát huy năng lực cá nhân cùng hướng đến mục tiêu chung của Casumina. Với việc xây dựng lại hình ảnh Casumina và tạo lập một chiến lược bài bản, hiện đại đã tạo được động lực làm việc ở mỗi CB-CNV Casumina.

Chúng tôi cũng đã thực hiện đúng cam kết trong việc thực hiện thoái vốn khỏi thị trường bất động sản, tập trung vào ngành sản xuất kinh doanh cốt lõi là sản xuất lốp xe các loại. Mặc dù có những điều kiện không thuận lợi nhưng Casumina kiên quyết giữ vững và tạo được lợi thế trong quá trình đàm phán thoái vốn.

Sản phẩm lốp radial toàn thép của Casumina được bán trên thị trường và bước đầu tạo được lòng tin đối với khách hàng. Chúng tôi đã nỗ lực hết mình trong việc tạo dựng một hệ thống phân phối đủ mạnh để cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường.

Mục tiêu của Casumina là tiếp tục cam kết trở thành nhà sản xuất sản phẩm lốp xe hàng đầu Đông Nam Á. CB-CNV Casumina không ngừng tư duy, nắm bắt mọi cơ hội để đạt được mục tiêu này.

Trong năm 2015, Casumina sẽ tập trung toàn lực trong việc đẩy sản lượng tiêu thụ lốp radial toàn thép đạt tối thiểu 100.000 chiếc. Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các đối thủ cùng ngành gay gắt, cộng với hoạt động gian lận thương mại vẫn diễn ra thì áp lực để hoàn thành mục tiêu này rất lớn.

Tuy nhiên, Chúng tôi tin tưởng rằng xu hướng tiêu dùng tiếp cận với sản phẩm cao cấp, cùng với sự chung tay, góp sức của Quý vị và nỗ lực của CB-CNV, Casumina sẽ đạt mức tiêu thụ kỳ vọng đối với dòng lớp này.

Nhóm sản phẩm lớp xe máy theo dự báo của Casumina sẽ có mức tăng trưởng cao, đặc biệt là nhóm lớp xe máy không xăng. Trong năm 2015, chúng tôi sẽ mở rộng nhà xưởng, tăng quy mô sản xuất nhóm sản phẩm này lên 2 triệu chiếc. Các nhóm sản phẩm khác sẽ duy trì ở mức tăng trưởng 2% - 5%.

Casumina tham gia vào chuỗi cung ứng với các đối tác có uy tín. Đây là một hướng đi tiếp cận với xu thế kinh doanh mới trong giai đoạn hiện nay. Casumina sẽ tiếp tục duy trì và thúc đẩy mối quan hệ hợp tác đối với các đối tác có kinh nghiệm và năng lực hoạt động trong ngành sản phẩm trên thế giới. Điều này sẽ được cân nhắc kỹ nhằm tận dụng tối đa kiến thức, kinh nghiệm với sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

Casumina vẫn tiếp tục đặt ra mục tiêu tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu để đạt tỷ trọng 30%/tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu đạt trên 25%.

Để duy trì mức tăng trưởng bền vững và có đầu tư cho tương lai, Casumina đã mạnh dạn đặt ra mục tiêu tiếp cận công nghệ sản xuất các sản phẩm tiên tiến là một hướng đi chủ đạo trong thời gian tới, chúng tôi chủ động tiếp cận với các chuyên gia quốc tế về chuyên ngành lớp, đàm phán chuyển giao và đầu tư thiết bị. Tuy nhiên, điều tất yếu là trong giai đoạn đầu thực hiện mục tiêu dài hạn trên thì kết quả sản xuất kinh doanh sẽ giảm, lợi nhuận năm 2015 sẽ giảm so với 2014.

Với kết quả SXKD năm 2014 và các định hướng chủ yếu trong năm 2015, Chúng tôi hy vọng tiếp tục nhận được sự quan tâm và mã cổ phiếu SCM vẫn nằm trong kế hoạch đầu tư của Quý vị. Qua đây, Chúng tôi xin gửi lời tri ân với các Đối tác, Đại lý và CB-CNV Casumina vì sự đóng góp có hiệu quả cho Casumina trong năm 2014.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM HỒNG PHÚ



GIỚI THIỆU CHUNG

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro



CASUMINA



CASUMINA

BẠN ĐƯỜNG TÍN CẬY



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**

Tên giao dịch: **The Southern Rubber Industry Joint Stock Company**

Tên viết tắt: **CASUMINA**

Trụ sở chính: **180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh**

Điện thoại: **848.38.362.369**

Fax: **848.38.362.376**

Email: **casumina@casumina.com**

Website: **www.casumina.com**

Vốn điều lệ: **672.932.050.000 đồng**

Mã cổ phiếu: **CSM**



“Năm 2014, Nhà máy sã m lớp kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép (Radial) do CASUMINA đầu tư xây dựng đã được chính thức hoạt động. Đây là nhà máy sã m lớp Radial có công suất lớn nhất Việt Nam hiện nay, có thể đưa vào sản xuất 1.000.000 lớp/năm”



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam được thành lập theo quyết định số 427-HC/QĐ ngày 19/04/1976 của Nhà nước Việt Nam.

Năm 1997

Thành lập Công ty Liên doanh lốp Yokohama Việt Nam với các đối tác: Yokohama và Mitsubishi Nhật Bản để sản xuất sắm lốp ô tô và xe máy.

Năm 1999

Đầu tư một nhà máy chuyên sản xuất lốp ô tô tải với công nghệ hiện đại. Công ty nhận chứng chỉ ISO 9002 - 1994 .

Năm 2000

Công ty nhận chứng nhận sản phẩm sắm lốp xe máy đạt tiêu chuẩn Nhật Bản JIS K6366/ JIS K6367.

Năm 2001

Công ty nhận chứng chỉ ISO 9001 - 2000.

Năm 2002

Công ty nhận chứng nhận sản phẩm lốp ô tô đạt tiêu chuẩn Nhật Bản JIS K4230.

Năm 2003

Sản xuất lốp ô tô radian V13, V14. Nhận chứng chỉ ISO 14001-2000.

Sản xuất lốp ô tô radian V15, V16.

Năm 2005

CASUMINA ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất lốp xe tải nhẹ với Công ty CONTINENTAL Đức (tập đoàn đứng thứ 4 thế giới về sản xuất sắm lốp xe các loại)

Ngày 10/10/2005 Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam theo Quyết định số 3240/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

Năm 2006

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 90 tỷ đồng. Tháng 11/2006 tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.

Năm 2007

CASUMINA được xếp hạng thứ 59/75 các nhà sản xuất lốp lớn trên thế giới. Tháng 03/2007 tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.

Đạt chứng nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2007.

Năm 2008

Ký kết Hợp đồng liên doanh với Philips Carbon Black.LTD để sản xuất than đen.

Tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

Tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng.

Năm 2009

Tháng 08/2009 Công ty chính thức niêm yết 25.000.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán CSM.

Năm 2009

Ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với Công ty Qingdao Aoc e - Trung Quốc;

Tăng vốn điều lệ lên 422.498.370 ngàn đồng.

Tăng vốn điều lệ lên 422.5 tỷ đồng

Năm 2010

Ký hợp đồng chuyển giao công nghệ lốp toàn thép Radial và cải tiến chất lượng lốp Bias với công ty Qingdao Aoc e – Trung Quốc

Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh chiến lược với Cty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Ba Đình;

Năm 2011

Đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba của Đảng và Nhà nước trao tặng

Tăng vốn điều lệ lên 522.5 tỷ đồng

Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao, top 20 doanh nghiệp hạt giống

Vinh dự nhận được Cờ thi đua của Chính phủ, được bình chọn là 1 trong 25 thương hiệu quốc gia

Năm 2012

Được tập đoàn hóa chất Việt Nam khen tặng là 1 trong 5 đơn vị có doanh thu cao nhất và hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong năm 2012

Tăng vốn điều lệ lên 585 tỷ đồng

Năm 2013

Tăng vốn điều lệ lên 672.93 tỷ đồng

Năm 2014

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất lốp Radial

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Là 1 trong 11 sản phẩm chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh

Là 1 trong 20 thương hiệu hạt giống của Thành phố Hồ Chí Minh

Là 1 trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Liên tục 11 năm nằm trong nhóm dẫn đầu của hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ)

Danh hiệu "Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới" 2005

Tháng 4/2011 đón nhận "Huy chương Độc Lập hạng 3" do Đảng và Nhà nước trao tặng.

Các thành tích trong năm 2014

Top 50 Công ty có báo cáo thường niên tốt nhất năm 2014

Top 100 Công ty Việt Nam được tạp chí Forbes bình chọn

1 trong 5 đơn vị có doanh thu và lợi nhuận cao nhất Tập đoàn hoá chất Việt Nam.

Cờ thi đua Bộ Công thương

Đạt thương hiệu Quốc gia lần thứ 4

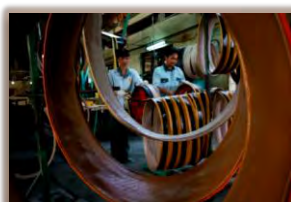
Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động

Cờ thi đua Tổng liên đoàn lao động Việt Nam



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh thương mại dịch vụ
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.



NGUỒN NGUYÊN LIỆU

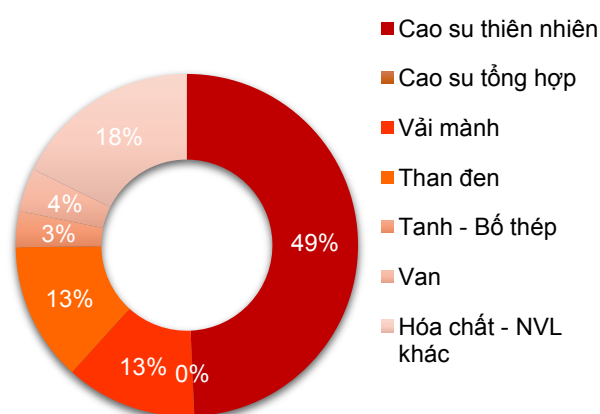
Nguyên liệu chính của Công ty bao gồm: Cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, các loại hóa chất và nhiên liệu khác.

Casumina đã thiết lập được mối quan hệ đối tác lâu năm với các nhà cung cấp nguyên liệu nhằm tạo nguồn cung ứng ổn định và giá cả cạnh tranh cho công ty như:

Cao su thiên nhiên: CTCP Cao su Phước Hòa, Đồng Nai, Đồng Phú, Phú Riềng, Dầu Tiếng,...

Cao su tổng hợp: Công ty Kumho, TSRC, L, BST, Lanxess, Exxon Mobile,...

Nguyên liệu	Nguồn cung cấp	Tỷ trọng
Cao su thiên nhiên	Trong nước	49,3%
Cao su tổng hợp	Nhập khẩu	
Vải màn	Nhập khẩu	12,4%
Than đen	Nhập khẩu	13,1%
Tanh - Bó thép	Nhập khẩu	3,4%
Van	Nhập khẩu	4,1%
Hóa chất - NVL khác	Trong nước & Nhập khẩu	17,7%



THÀNH PHẨM

Lốp xe máy



Lốp xe ô tô



Lốp Radial (toàn thép)



Lốp công nghiệp





Lốp nông nghiệp



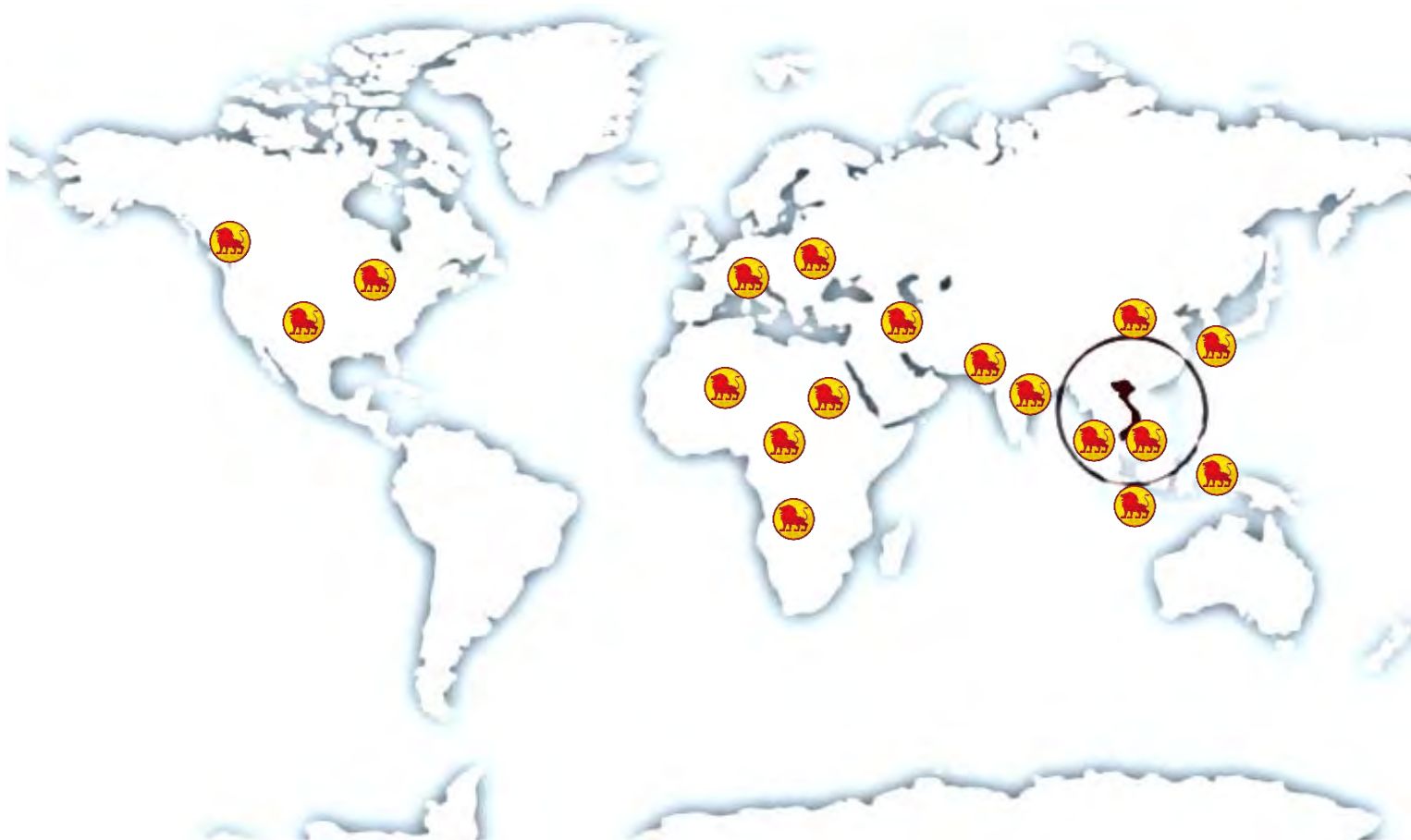
Lốp xe đạp



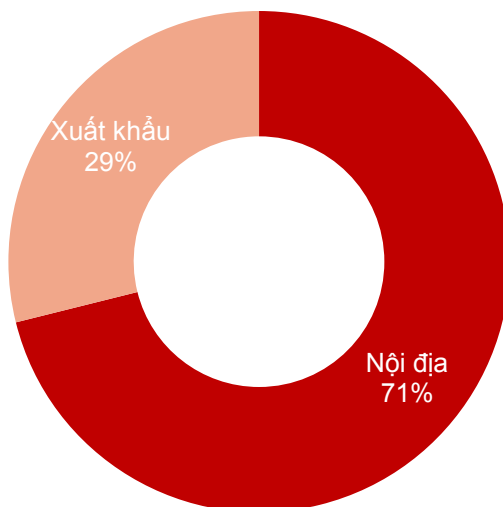
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường nội địa: sản phẩm của Casumina đã có mặt trên 64 tỉnh thành khắp cả nước thông qua mạng lưới đại lý phân phối vững mạnh.

Thị trường xuất khẩu: tập trung ở khu vực Đông Nam Á. Các thị trường khác bao gồm Châu Âu, Châu Phi và vùng Trung Cận Đông. Với lợi thế từ sản phẩm lớp Radial, Casumina hướng đến chinh phục Thị trường Mỹ, Bắc Mỹ và các nước phát triển khác.

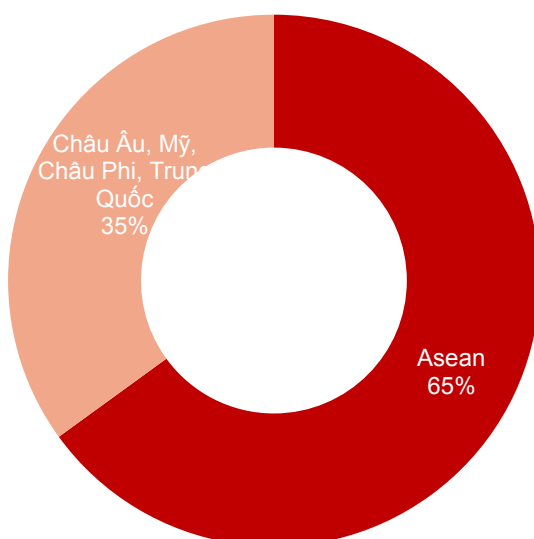


Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu

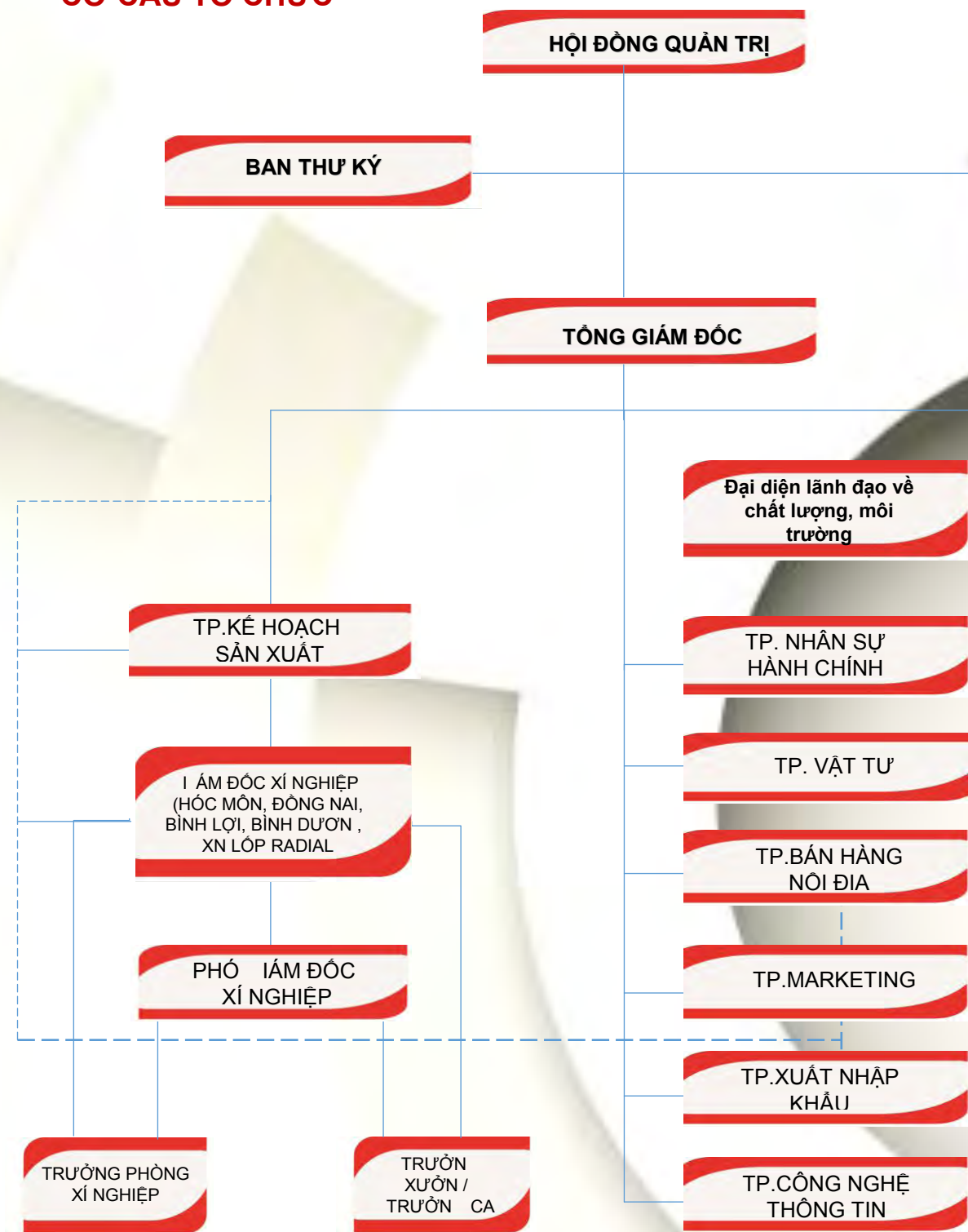


Trong năm 2014, tình hình sản xuất kinh doanh của Casumina vẫn giữ mức ổn định, Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng 29%, 71% còn lại là doanh thu kinh doanh trong nước. Công ty vẫn chiếm ưu thế tại thị trường Đông Nam Á và đang dần chinh phục mục tiêu tại các thị trường Mỹ và châu Âu trong thời gian tới.

Tỷ trọng xuất khẩu theo khu vực



CƠ CẤU TỔ CHỨC



BAN KIỂM SOÁT

PTGD
Phụ Trách Kỹ thuật

TP. BHLĐ - MT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT

TP. THIẾT KẾ

TP. CHẤT LƯỢNG

TP. THÍ NGHIỆM

TP. CÔNG NGHỆ

PTGD
Phụ Trách Tài Chính

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

PTGD
Phụ Trách Đầu Tư

TP. ĐẦU TƯ

TP. CƠ NỀN

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Xí nghiệp cao su Bình Dương

Xí nghiệp cao su Bình Lợi

Xí nghiệp cao su Hóc Môn

Xí nghiệp cao su Đồng Nai

Nhà máy lốp Radial



Xí nghiệp cao su Hóc Môn

Địa chỉ: Phường Tân Thới Hiệp,
Quận 12, TPHCM

ĐT: (08) 37171452

Fax: (08) 37170835

Sản phẩm: lốp xe đạp, săm xe đạp,
lốp xe máy, săm xe máy, lốp xe công
nghiệp, săm và yếm ô tô



Xí nghiệp cao su Đồng Nai

KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai

ĐT: (061) 3832076

Fax:(061) 3831352

Lốp xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy,
lốp ô tô, lốp nông nghiệp



Xí nghiệp Bình Dương

Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: (650) 3640874

Fax: (650) 3640875

Sản phẩm: cao su bán thành phẩm, sản phẩm lốp ô tô, lốp xe nâng, lốp đặc, lốp đắp. Nhà máy lốp radial toàn thép với công suất 1 triệu lốp/năm.



Xí nghiệp Cao su Bình Lợi

2/3, Kha Vạn Cân, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TPHCM

ĐT: (08) 37266270

Fax: (08) 37266320

Sản phẩm: lốp ô tô, lốp nông nghiệp, cao su kỹ thuật



Nhà máy lốp toàn thép Radial

Thị trấn Uy Hưng, Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Sản phẩm: lốp toàn thép Radial. Đây là nhà máy lốp toàn thép Radial thứ 2 tại Việt Nam nhưng có công suất lớn nhất hiện nay.



**SỨ MỆNH-TÂM NHÌN-
GIÁ TRỊ CỐT LÕI**



SỨ MỆNH

Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc, hiệu quả và thân thiện



TÂM NHÌN

Nhà sản xuất lốp hàng đầu Đông Nam Á



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tin cậy: sản phẩm, dịch vụ, con người

Hiệu quả: mọi hoạt động luôn hướng đến hiệu quả

Hợp tác: sẵn sàng hợp tác cùng phát triển và có lợi

Năng động: luôn sáng tạo và đổi mới

Nhân bản: vì con người



CHIẾN LƯỢC 2015



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY



**Chương trình
Xuân Ấm Áp-
Tết yêu
thương cho
CB-CNV
trước tết**

**Triển lãm Công
nghiệp hỗ trợ
VSI 2014**





**Chương trình
Đi xe đạp vì
môi trường văn
hóa giao thông
2014**

**Triển lãm Việt
Nam
Motorshow
2014**



RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Nhu cầu sử dụng phương tiện giao thông phụ thuộc rất lớn vào mức tăng trưởng của nền kinh tế. Điều này tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng của ngành sẫm lốp. Những chỉ số của nền kinh tế trong giai đoạn gần đây cho thấy Việt Nam có sự phục hồi và tăng trưởng, mặc dù chưa được ổn định. Casumina đã tận dụng được lợi thế có được từ mức tăng trưởng của kinh tế Việt Nam để phát triển hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, sự biến động khó dự báo từ ảnh hưởng của kinh tế thế giới và bất ổn ở một số khu vực là một thách thức và tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



RỦI RO LUẬT PHÁP

Mặc dù Chính phủ Việt Nam thể hiện sự quyết tâm trong việc ban hành văn bản pháp luật nhằm quản lý nền kinh tế theo hướng mở, minh bạch và công bằng. Tuy nhiên, với tính chất của một nền kinh tế đang phát triển, việc điều chỉnh, bổ sung nhiều văn bản có giá trị pháp lý trong thời gian ngắn đã làm các doanh nghiệp khó khăn trong việc tiếp cận và thực thi. Điều cần thiết là Casumina phải chủ động và linh hoạt trong các chính sách kinh doanh nhằm tận dụng tối đa các lợi thế và hạn chế tối thiểu tổn thất từ việc điều chỉnh, bổ sung các văn bản pháp luật.



RỦI RO LÃI SUẤT

Casumina dùng nợ tài trợ cho dự án mới làm tăng đòn bẩy tài chính. Tác động của lãi vay theo xu hướng tăng sẽ tạo áp lực lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, với chính sách kiểm soát lãi suất ở mức thấp của Chính phủ và chủ trương tăng tính thanh khoản của các ngân hàng thương mại có thể được đề cập như yếu tố thuận lợi cho công ty hơn là rủi ro.



RỦI RO TỶ GIÁ

Với tỷ trọng doanh thu xuất khẩu chiếm từ 25%-30% trong cơ cấu doanh thu cho thấy xu hướng tăng của tỷ giá (giảm giá trị VNĐ) sẽ là một lợi thế của Casumina đối với hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, với gần 65% nguyên liệu đầu vào phải nhập khẩu là một bất lợi đối với công ty khi tỷ giá tăng. Casumina phải cân nhắc kỹ trong việc cân đối dòng ngoại tệ vào-ra và tăng cường sử dụng nguyên vật liệu nội địa thay thế.



RỦI RO NGUYÊN LIỆU

Nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất hiện vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu do đó thay đổi giá nguyên liệu đã ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Trong năm 2013 -2014 giá cao su nguyên liệu giảm liên tục đã làm tăng lợi nhuận công ty. Tuy nhiên, đây không phải là xu hướng bền vững do đó công ty đang tích cực tìm nhiều nguồn nguyên liệu giá rẻ.



RỦI RO CẠNH TRANH

Mức độ cạnh tranh trong ngành sản lốp xe đối với thị trường nội địa và xuất khẩu ngày càng trở nên gay gắt. Đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và sản phẩm nhập ngoại với năng lực về tài chính, kinh nghiệm bán hàng và uy tín thương hiệu sẵn có. Casumina với chiến lược đổi mới công nghệ, tiếp cận thị trường theo hướng sử dụng nguyên vật liệu mới nhằm giảm giá thành, xây dựng hệ thống bán hàng chuyên nghiệp... là các yếu tố quan trọng làm giảm bớt áp lực cạnh tranh, giảm thiểu tác động rủi ro từ cạnh tranh nội ngành.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Tình hình thực hiện dự án

Tổ chức nhân sự

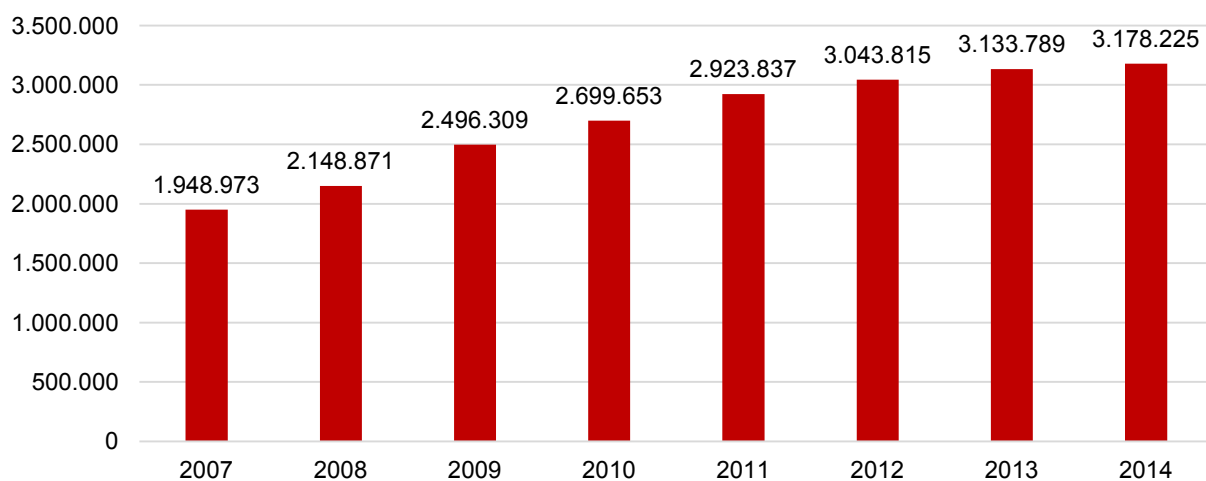
Thông tin cổ đông



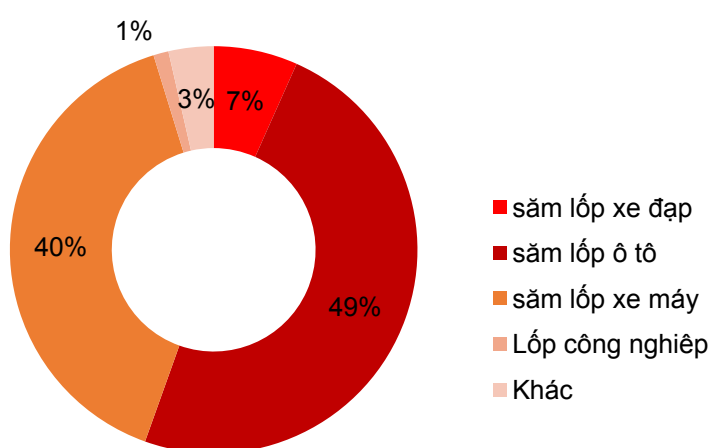


TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

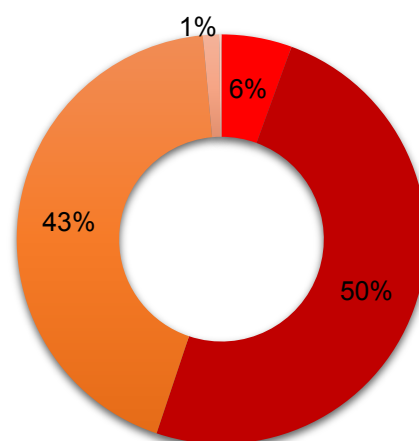
Tăng trưởng Doanh thu thuần qua các năm



Cơ cấu doanh thu



Cơ cấu lợi nhuận gộp



Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	Năm 2014			
			KH	TH	%/2013	%/ KH
Giá trị SXCN	Tr đồng	1.121.161	1.250.000	1.303.329	116	104
Doanh thu	Tr đồng	3.133.789	3.350.000	3.195.882	102	95
Doanh thu SXCN	"	3.109.842	3.290.000	3.171.494	102	96
- Nội địa	"	2.198.190	2.290.000	2.255.119	103	98
- Xuất khẩu	"	911.652	1.000.000	916.375	101	92
Doanh thu KD khác	"	23.947	60.000	24.389	102	41
Nộp ngân sách	Tr đồng	310.315	250.000	214.405	69	86
Kim ngạch XNK	1.000 usd	111.365	116.000	79.108	71	68
Đầu tư XDCB	Tr đồng	668.141	405.661	271.315	41	67
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	480.812	300.000	425.555	89	142
Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	360.066	234.000	330.963	92	141
Lãi cơ bản trên CP	Đồng	5.856	3.478	4.919	84	141

Giá trị SXCN tăng trưởng 16% so với cùng kỳ chủ yếu do tăng sản xuất nhóm lốp radial toàn thép đủ các quy cách. Ban lãnh đạo công ty chủ trương duy trì một lượng tồn kho hợp lý để đáp ứng nhu cầu thị trường trong giai đoạn đầu sản xuất thương mại.

Doanh thu tăng trưởng 2% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng chỉ hoàn thành được 95% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Trong đó doanh thu xuất khẩu có mức tăng trưởng 1% và nội địa tăng 3%. Doanh thu tăng trưởng không ấn tượng trong năm 2014 xuất phát từ nguyên nhân điều chỉnh giá bán do giá cao su thiên nhiên giảm trong năm. Cụ thể, công ty đã thực hiện 4 lần giảm giá bán với mức giảm bình quân 4.5% đối với nội địa và 6.2% đối với thị trường xuất khẩu..

- Đối với thị trường trong nước, chính sách giảm giá đã phát huy tác dụng: Ổn định thị phần đối với nhóm lốp ô tô, đẩy sản lượng tiêu thụ các nhóm lốp xe máy (tăng 5%), sảm xe máy (tăng 4%), lốp ô tô (tăng 6%), trong đó có sự đóng góp của lốp radial toàn thép với sản lượng tiêu thụ là 25 nghìn chiếc.
- với thị trường xuất khẩu: Ngoài tác động của chính sách giảm giá, Công ty gặp khó khăn trong đàm phán với các đối tác tăng sản lượng theo mục tiêu đã đề ra trong năm 2014. Nhóm sản phẩm có mức giảm cao là nhóm lốp ô tô bias do mức thị trường gần như bão hòa, sản lượng tồn kho của các đối tác khá lớn.

Lợi nhuận trước thuế bằng 89% so với cùng kỳ năm 2013 bằng 142% so với kế hoạch đặt ra. Mức lợi nhuận giảm so với 2013 do Công ty bắt đầu hạch toán chi phí khấu hao cơ bản và chi phí lãi vay của dự án lốp Radial toàn thép từ tháng 7/2014.

Nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 khá thành công, đạt được hiệu quả cao và thực hiện đúng cam kết sản xuất và tiêu thụ thương mại nhóm lốp radial toàn thép theo đúng tiến độ. Mức tăng trưởng doanh thu không cao, lợi nhuận giảm do hạch toán chi phí cho dự án mới vào giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, với những lợi thế trong quá trình đàm phán và bước đầu xuất khẩu sản phẩm lốp radial sang thị trường Mỹ, đã mở ra cơ hội tăng trưởng và hiệu quả cho CASUMINA trong những năm tiếp theo.



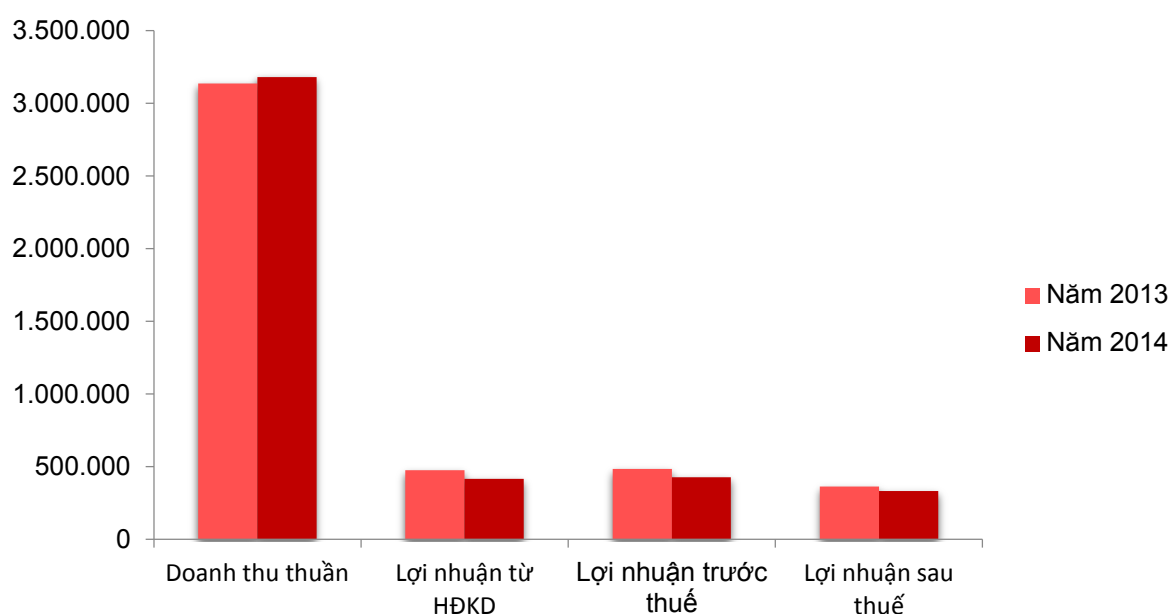
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Tổng giá trị tài sản: 3,43 nghìn tỷ ↑ **17,45%**

Vốn chủ sở hữu: 1,36 nghìn tỷ ↑ **12,00%**

Doanh thu thuần: 3,2 nghìn tỷ ↑ **1,42%**

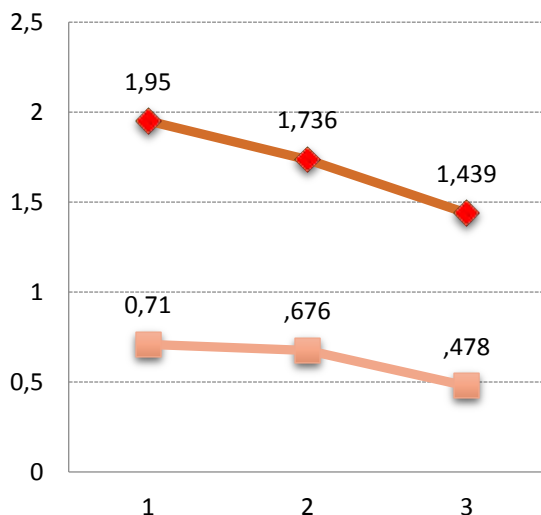


Lợi nhuận trước thuế: 425 tỷ ↓ **11,49%**

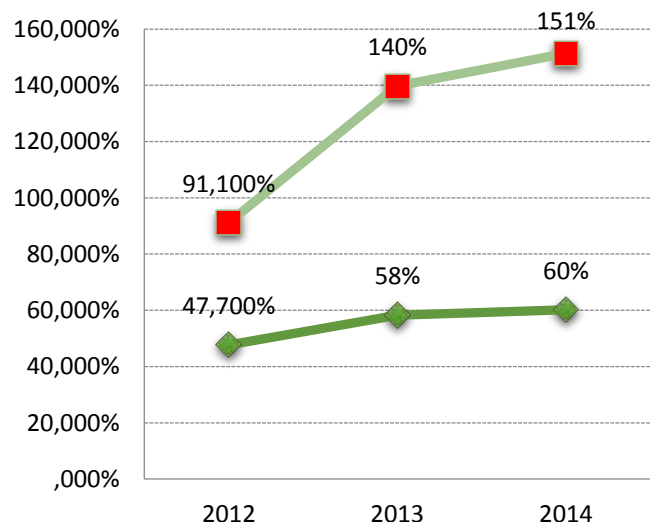
Lợi nhuận sau thuế: 331 tỷ ↓ **8,08%**

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Năm	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
Khả năng thanh toán:			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.74	1.44
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.68	0.48
Cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.58	0.60
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.40	1.51
Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2.65	2.39
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1.07	0.93
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	7,64	7,42
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	16,27	14,94
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
LNST/DTT	%	11%	10%
LNST/VCSH	%	30%	26%
LNST/TTS	%	12%	10%
LN HDKD/DTT	%	15%	13%



◆ Hệ số thanh toán ngắn hạn:
■ Hệ số thanh toán nhanh:



◆ Hệ số Nợ/Tổng tài sản
■ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Khả năng thanh toán của Casumina giảm tương đối trong năm 2014, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 17% từ 1,74 xuống còn 1,44 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm 29% từ 0,68 xuống còn 0,48 lần. Nguyên nhân là do trong năm công ty đã đầu tư vào nhà máy mới làm nợ và chi phí lãi vay tăng. Bên cạnh đó, việc sản phẩm mới lớp toàn thép mới ra mắt chưa lâu, hàng tồn kho vẫn còn cao cũng là nguyên nhân làm giảm khả năng thanh toán của công ty.

Cơ cấu nguồn vốn: Với mục đích đầu tư phát triển sản phẩm, công ty đã tăng đòn bẩy tài chính của mình do đó các chỉ số về cơ cấu vốn trong năm 2014 có sự gia tăng tương đối. Nợ vay luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn vốn của công ty. Trong đó, phần lớn tài sản ngắn hạn của công ty là phân bổ cho hàng tồn kho và khoản phải thu của khách hàng, đây là chính sách bán hàng của công ty chủ động hỗ trợ cho đại lý và khách hàng, đồng thời cũng đảm bảo hàng hóa đủ cung cấp cho thị trường. Đặc biệt, do sản xuất sản phẩm mới nên công ty phải tăng lượng nguyên liệu và sản phẩm dự trữ nên làm tăng nhu cầu vay nợ của công ty.



Vòng quay hàng tồn kho giảm 10% từ 2,65 xuống 2,39 chủ yếu do tồn kho tăng từ nguyên liệu và sản phẩm lốp toàn thép radial. Vòng quay hàng tồn kho sẽ được cải thiện trong những năm tới khi sản phẩm mới của công ty được thị trường chấp nhận và có lượng tiêu thụ ổn định.

Vòng quay khoản phải thu giảm 3% từ 7,64 năm 2013 còn 7,43 vòng năm 2014 do công ty tăng cường chính sách giãn nợ cho khách hàng và công nợ phát sinh tăng từ việc bán sản phẩm lốp radial. Với việc triển khai xây dựng hệ thống phân phối chuyên nghiệp sẽ hoàn tất trong năm 2015 kỳ vòng doanh thu sẽ tăng mạnh và giảm dần các khoản phải thu. Điều này sẽ cải thiện tình hình vòng quay khoản phải thu của công ty.

Các chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận giảm trong năm đã khiến ROE và ROA của công ty giảm nhẹ. Nguyên nhân bắt nguồn từ chính sách điều chỉnh giá bán do nguyên vật liệu giảm. Tuy nhiên, xét thấy đây là chủ trương phù hợp với tình hình thị trường hiện nay. Trong năm 2015, với dòng sản phẩm Radial hứa hẹn sẽ mở ra nhiều cơ hội mới cho Casumina đặc biệt là trên thị trường xuất khẩu.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 1 triệu lốp ô tô Radial toàn thép: Công ty đã hoàn thành dự án giai đoạn 1 và đưa vào sản xuất thương mại vào tháng 05/2014. Trong năm 2015, Casumina sẽ đạt công suất 350.000 chiếc/năm và tiến hành lập dự án trình các cấp có thẩm quyền giai đoạn 2 của dự án với công suất 600.000 chiếc/năm trong năm 2016.

Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 4 triệu lốp ô tô Radial bán thép: Casumina đang lập báo cáo khả thi, song song với việc mời các đối tác có uy tín đàm phán chuyển giao công nghệ.





BLUESTONE



REDSTONE



GREENSTONE

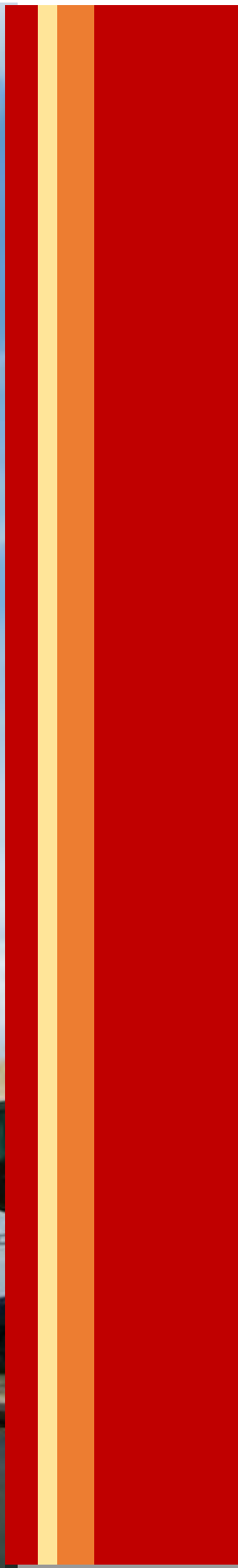


Đối với các dự án bất động sản: công ty tiếp tục hoàn tất công tác thoái vốn tại các dự án đã đầu tư trước đó. Cụ thể:

- Mặt bằng 146 Nguyễn Biểu Q5, Mặt bằng Xí nghiệp Bình Lợi và Xí nghiệp Việt Hưng tại Thủ Đức: Casumina tiếp tục đàm phán với các đối tác với mục tiêu chuyển nhượng hoặc thanh lý thành công các dự án nêu trên.
- Mặt bằng 180 Nguyễn Thị Minh Khai: Casumina hoàn tất việc thanh lý hợp đồng với công ty Ba Đình và đang trong quá trình đàm phán với đối tác mới theo hình thức hợp tác xây dựng.
- Mặt bằng số 09 Nguyễn Khoái: tỷ lệ nắm giữ của Casumina tại dự án này đã được chuyển nhượng thành công cho đối tác.
- Mặt bằng 504 Nguyễn Tất thành: Casumina đã hoàn tất bàn giao mặt bằng cho Vietcomreal.

Dự án mua đất Bình Dương: Casumina đã hoàn thành thủ tục mua đất 9 ha. Hiện nay đang cùng với đối tác hoàn chỉnh các thủ tục để mua 7 ha còn lại.

Dự án liên doanh sản xuất than đen Phillips Carbon: trong năm 2014, Casumina đã chuyển nhượng thành công một phần vốn đầu tư tại dự án này cho đối tác. Tại thời điểm 31/12/2014, giá trị đầu tư còn lại của Casumina tại dự án này là 9,6 tỷ đồng. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các đối tác phù hợp nhằm chuyển nhượng hết phần vốn góp này theo đúng chủ trương mà Đại hội cổ đông đã đề ra.







TỔ CHỨC NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Bùi Thế Chuyên
Chủ tịch HĐQT



Ông Phạm Hồng Phú
Thành viên HĐQT

“Tháng 02 năm 2015, Ông Bùi Thế Chuyên đã có đơn xin từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam. Hội đồng quản trị thống nhất bầu ông Phạm Hồng Phú thay thế giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty. Ông Phạm Hồng Phú sẽ được bầu bổ sung chính thức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 diễn



Ông Trần Văn Trí
Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Minh Thiện
Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Ngọc Phương
Thành viên HĐQT



Ông Bùi Thế chuyên – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế,
Thạc sĩ QTKD.

Quá trình công tác:

- 1989-2004: Trưởng phòng thị trường Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2004-2010: Trưởng phòng kế hoạch tại Cục công nghiệp địa phương – Bộ công thương.
- 2010 – nay: trưởng ban Kế hoạch kinh doanh - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 02/2015: từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam.

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 12.084 cp – 0,02%
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 34.321.980 cp – 51%



Ông Phạm Hồng Phú – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- 1990- 1996: Nhân viên phòng Tài vụ
- 1996-2001: Nhân viên phòng Tài chính kế toán
- 2001-2008: Kế toán trưởng
- 2008-2010: Phó tổng giám đốc
- 2011 – đến nay: Tổng giám đốc
- 02/2015: HĐQT thống nhất bầu ông Phạm Hồng Phú thay thế Ông Bùi Thế Chuyên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam và sẽ được thông qua tại ĐHCĐ 2015

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 141.680 cp – 0,21%
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 34.321.980 cp – 51%





Ông Trần Văn Trí – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1955

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- 1977-1985: Kỹ sư hóa
- 1985-1992: Trưởng phòng KCS XN Cao Su Hóc Môn
- 1992-1993: Trưởng phòng kế hoạch – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn
- 1993-1996: Trưởng phòng kinh doanh – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn
- Từ năm 1996-1998: Phó giám đốc – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn
- Từ năm 1998-2005: Giám đốc – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn
- Từ năm 2006 đến nay: Giám đốc XN Cao Su Hóc Môn

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 35.951 cp – 0,05%
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 34.321.980 cp – 51%



Ông Nguyễn Minh Thiện – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- Năm 2007: phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ năm 2008 – 30/04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ tháng 5/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 30.619 cp – 0,05%



Ông Nguyễn Ngọc Phương – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- 2000-2004: Tốt nghiệp cử nhân công nghệ thông tin tại trường đại học Ngoại Ngữ - Tin Học ,Quận 10 TPHCM.
- 2005-2008: Tốt nghiệp thạc sĩ công nghệ thông tin tại trường đại học James Cook của Úc tại Singapore
- 2009-2011: Tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường đại học Lincoln của Hoa Kỳ tại TPHCM
- 2009- đến nay: Thành viên HĐQT kiêm trưởng phòng vật tư tại CTCP CN Cao su Miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 4.501 cp – 0,01%



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Phạm Hồng Phú
Tổng giám đốc



Ông Nguyễn Song Thao
Phó Tổng giám đốc



Ông Nguyễn Minh Thiện
Phó Tổng giám đốc – Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Đình Đông
Phó Tổng giám đốc



Ông Nguyễn Song Thao – PTGD

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ năm 1991 đến 2007: đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thuộc bộ phận kỹ thuật Công ty Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Đến năm 2008: ông được phân công làm Giám đốc xí nghiệp Cao Su Bình Dương kiêm Trưởng phòng cơ năng Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao su Miền Nam.
- Từ năm 2009 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty kiêm Giám đốc xí nghiệp cao su Bình Dương.

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 22.097 cp – 0,03%



Ông Nguyễn Đình Đông - PTGD

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác:

- Là nhân viên phòng kỹ thuật trực thuộc Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn từ năm 1988;
- Đến năm 2007 ông giữ chức vụ Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ Phần công nghiệp Cao su Miền Nam.
- Tháng 05/2009 – đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 17.929 cp – 0,03%



BAN KIỂM SOÁT



Bà Lê Thị Hoàng
Trưởng Ban kiểm soát



Bà Vũ Thị Bích Ngọc
Thành viên Ban kiểm soát



Bà Lê thị Thu Thủy
Thành viên Ban kiểm soát



Bà Lê Thị Hoàng – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1954

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Kinh tế, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác:

- Từ năm 1980-2000: Nhân viên phòng tài vụ– Công ty Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
- Từ năm 2000-2005: Phó phòng TC-KT– Công ty Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
- Từ năm 2006-2009: Phó phòng TC-KT– Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 72.955 cp – 0,11%





Bà Vũ Thị Bích Ngọc – Thành viên BKS

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007-2008: Nhân viên kế toán tại Công Ty Chứng khoán thương mại và công nghiệp Việt Nam
- Từ 2008 đến nay: Chuyên viên Ban tài chính kế toán Tập Đoàn Hoá Chất Việt Nam Tv. Ban kiểm soát – Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 4.508 cp – 0,01%



Bà Lê Thị Thu Thủy – Thành viên BKS

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD

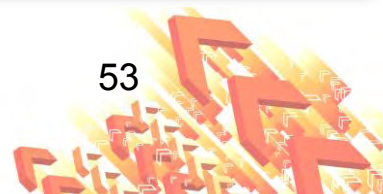
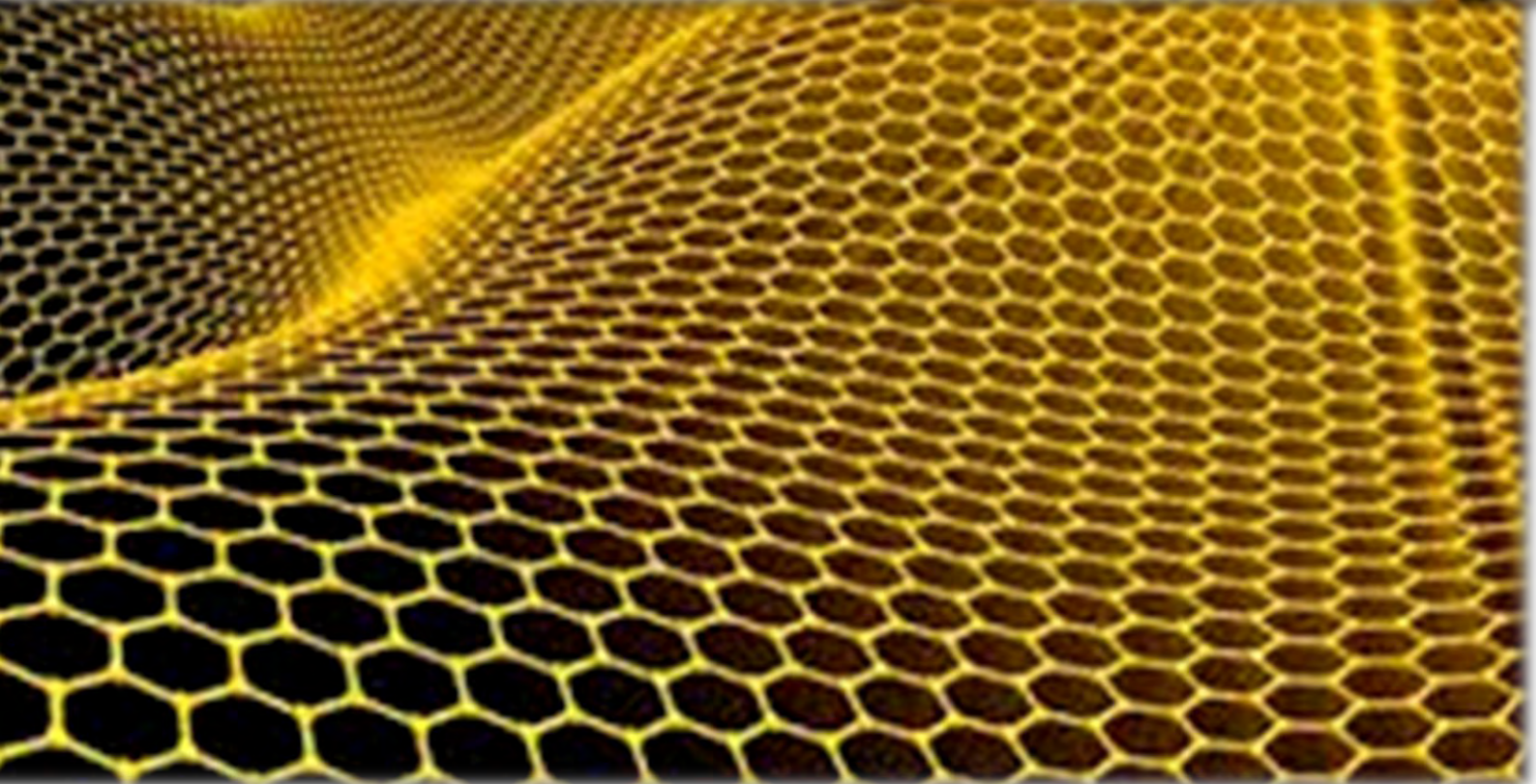
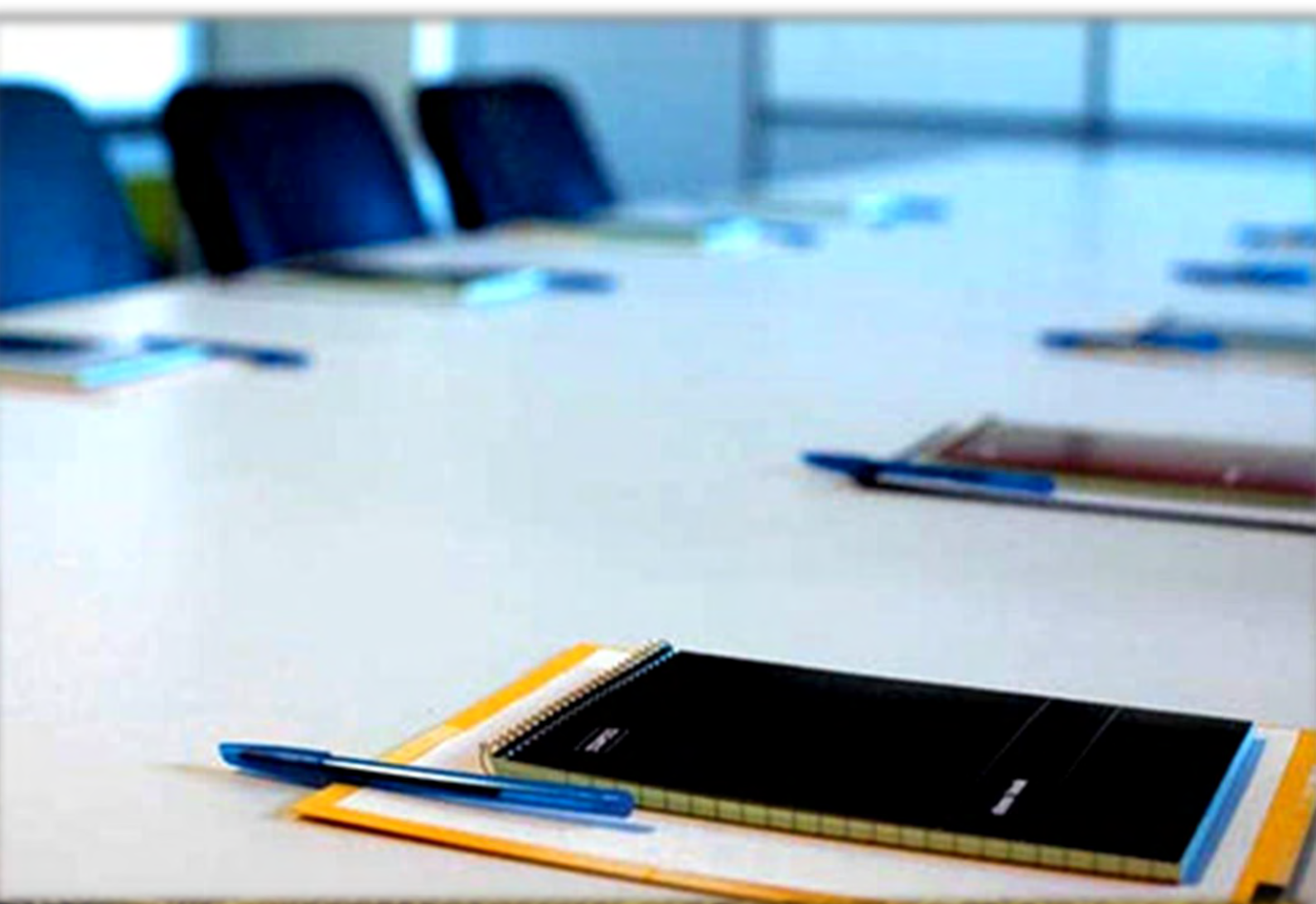
Quá trình công tác:

- Từ năm 2000 đến 2011: Nhân viên Phòng Tổ chức Nhân sự - Hành chính – Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Miền Nam
- Từ 2012 đến nay: Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính

Cổ phiếu nắm giữ:

- Sở hữu cá nhân: 770 cp – 0,0001%



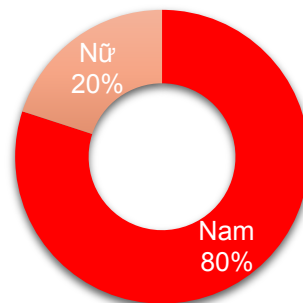


TỔ CHỨC NHÂN SỰ

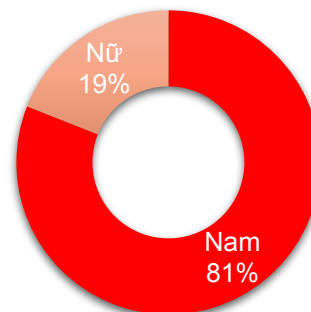
CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tính chất phân loại	Năm 2013		Năm 2014	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	2.030	100%	2.328	100%
Thị trường				
Nam	1.628	80%	1.881	81%
Nữ	402	20%	447	19%
Thị trường				
Trên đại học		1%	12	1%
Đại học		14%	300	13%
Cao đẳng	82	4%	93	4%
Khác	1.653	81%	1.923	83%

2013

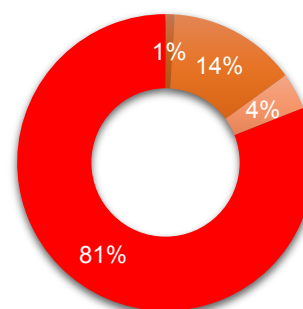


2014

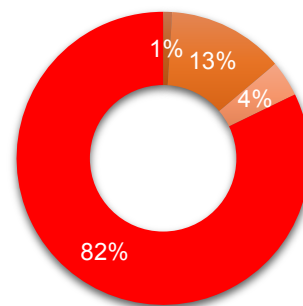


2013

Trên đại học Đại học Cao đẳng Khác



2014



LƯƠNG BÌNH QUÂN

(đồng/người/tháng)

2013: 9.618.000

2014: 9.683.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ:

Chính sách tuyển dụng và đào tạo Nguồn nhân lực:

Chính sách tuyển dụng và đào tạo của Công ty Casumina được xây dựng và thực thi một cách linh hoạt và phù hợp với mục đích phát triển bền vững của Công ty. Nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn, kiến thức để đảm bảo hoàn thành tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ Lao động là công nhân TTS : với tình hình Công ty không ngừng phát triển, đầu tư máy móc thiết bị, kỹ thuật hiện đại đội ngũ Công nhân trực tiếp sản xuất được đào tạo chuyên sâu về quy trình công nghệ sản xuất, vận hành máy móc thiết bị, an toàn BHLĐ, PCCN
- Đội ngũ nhân viên: được đào tạo, bổ sung các kỹ năng mềm để phục vụ cho công việc chuyên môn và hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách có hiệu quả nhất.
- Đội ngũ Cán bộ quản lý: có tầm nhìn chiến lược, có kỹ năng quản lý và hàng năm đều được đào tạo cập nhật các kiến thức về chuyên môn, quản lý để phù hợp với định hướng phát triển chiến lược của Công ty.

Chính sách lương – thưởng – phúc lợi:

Công ty xây dựng Chính sách lương – thưởng – phúc lợi bảo đảm sự công bằng và phù hợp với tình hình Công ty:

- Lương: trả theo giá trị công việc.
- Thưởng: theo đánh giá mức độ hoàn thành công việc.
- Phúc lợi: đảm bảo phù hợp với văn hóa Công ty và quy định của Nhà nước.

Người lao động Công ty được đảm bảo đầy đủ các phúc lợi: tham gia đầy đủ các khoản BH: BH H, BH T, BHTN, BH tai nạn 24/24. Được thưởng nhân các dịp Lễ, Tết, được thăm hỏi khi ốm đau, được trợ cấp khi có hoàn cảnh khó khăn, được tham gia các phong trào, hoạt động Văn hóa – Thể dục – Thể thao của Công ty, hàng năm được đi học tập, tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước, nâng cao tinh thần đoàn kết gắn bó giữa Người lao động với Công ty, góp phần xây dựng hình ảnh Công ty là Doanh nghiệp vì Người lao động, phát huy văn hóa Doanh nghiệp theo tầm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi mà Công ty đã xây dựng.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ: 672.932.050.000 đồng

Mã chứng khoán: CSM

Tổng số CP: 67.293.205 CP.

Số lượng CP lưu hành: 67.292.000 CP.

Số lượng CP tự do chuyển nhượng: 67.293.205 CP.

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP.

Số lượng CP quỹ: 1.205 CP.

Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	T lệ
Trong nước	5.348	51.964.150	97,41%
Nhà nước	1	129.006	0,02%
Cá nhân	5.277	15.828.436	96,12%
Tổ chức	70	36.006.708	1,28%
Nước ngoài	141	15.327.850	2,57%
Cá nhân	107	300.034	1,95%
Tổ chức	34	15.027.816	0,62%
Cổ phiếu quỹ	1	1.205	0,02%
Tổng cộng	5.490	67.293.205	100%

Danh sách cổ đông lớn

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	T ỉ lệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	34.321.980	343.219.800	51%



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả kinh doanh

Đánh giá tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm 2014

Kế hoạch hoạt động năm 2015





**KẾT QUẢ KINH DOANH**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1. Doanh thu bán hàng và cc dịch vụ	Tr. đồng	3.166.282	3.188.912	0,71%
2. Các khoản giảm trừ	Tr. đồng	32.493	10.687	-67,11%
3. Doanh thu thuần	Tr. đồng	3.133.789	3.178.225	1,42%
4. Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	2.296.387	2.351.974	2,42%
5. Lợi nhuận gộp	Tr. đồng	837.402	826.251	-1,33%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	45.299	16.289	-64,04%
7. Chi phí hoạt động tài chính	Tr. đồng	101.915	75.253	-26,16%
- Trong đó: lãi vay	Tr. đồng	40.636	55.822	37,37%
8. Chi phí bán hàng	Tr. đồng	97.142	133.210	37,13%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	210.431	219.477	4,30%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	473.213	414.600	-12,39%
11. Thu nhập khác	Tr. đồng	14.829	12.792	-13,74%
12. Chi phí khác	Tr. đồng	7.230	1.836	-74,61%
13. Lợi nhuận khác	Tr. đồng	7.599	10.956	44,18%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	480.812	425.556	-21,29%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Tr. đồng	120.466	94.818	-21,29%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Tr. đồng	279	(226)	-181,00%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	360.066	330.964	-8,08%

Theo báo cáo tài chính năm kiểm toán năm 2014, có thể thấy kết quả kinh doanh của Casumina có phần sụt giảm so với cùng kỳ. Doanh thu thuần tăng từ 3,13 nghìn tỷ năm 2013 lên 3,17 nghìn tỷ, tương đương 1,42%. Các khoản chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng với tỷ lệ lần lượt là 2,42%, 37,13%, 4,3%. Lợi nhuận sau thuế giảm từ 360 tỷ xuống còn 331 tỷ tương đương 8,08%. Tuy nhiên, để đánh giá chính xác tình hình kinh doanh của Casumina năm qua cần xét đến các yếu tố sau:

- *Giá nguyên liệu cao su thiên nhiên giảm mạnh trong năm*, về cơ bản sẽ tạo nhiều thuận lợi cho công ty. Tuy nhiên, để phù hợp với thị trường, Casumina cần điều chỉnh giá bán cũng như chiết khấu cho các đại lý. Theo đó, công ty đã thực hiện nhiều lần điều chỉnh giảm giá bán trong năm nên doanh thu công ty chưa có sự tăng trưởng mạnh mẽ.
- *Ra mắt dòng sản phẩm công nghệ cao*: lớp Radial sản xuất từ nhà máy Radial của Casumina đã chính thức được đưa vào thị trường cả trong và ngoài nước. Do đây là sản phẩm mới, thị trường cần một khoảng thời gian để thích nghi với những đặc tính mới của sản phẩm nên tình hình tiêu thụ chưa cao, chi phí bán hàng đặc biệt là chi phí marketing cần được đầu tư mạnh. Bên cạnh đó, dù mới xuất hiện tại thị trường Việt Nam nhưng lớp ô tô Radial của Casumina phải chịu áp lực cạnh tranh trực tiếp từ một số đối thủ trong nước và các đối thủ nước ngoài có nhiều kinh nghiệm.
- *Các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động của công ty có sự gia tăng đáng kể*. Chi phí lãi vay và chi phí khấu hao nhà máy mới bắt đầu được ghi nhận vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Với quy mô đầu tư nhà máy như hiện tại, các khoản chi có liên quan mà Casumina sẽ phải gánh chịu là không nhỏ. Tuy nhiên, với dòng sản phẩm mới với nhiều tính năng vượt trội hứa hẹn sẽ mang đến lợi nhuận cao trong tương lai.





Nhìn chung, kết quả kinh doanh năm 2014 của Casumina đã bị tác động bởi nhuận thuận lợi và khó khăn sau:

Khó khăn

- Mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trở nên gay gắt hơn khi giá nguyên vật liệu đầu vào giảm mạnh, trong khi Chính phủ vẫn chưa có biện pháp hữu hiệu chống phá giá và gian lận thương mại.
- Sự sụt giảm sản lượng nhóm sản phẩm săm lốp xe đạp cho thấy Công ty chưa chú trọng đầu tư cải tiến chất lượng, mẫu mã đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Rào cản thương mại thông qua các tiêu chuẩn áp dụng đối với đặc thù của một số quốc gia Châu Á đã làm Công ty mất lợi thế trong việc mở rộng thị phần.
- Phân khúc sản phẩm chiến lược lốp radial toàn thép gặp khó khăn khi bán thương mại do sự cạnh tranh của sản phẩm nhập ngoại giá rẻ trước tình hình các doanh nghiệp nước ngoài tìm mọi cách đẩy sản phẩm ra thị trường khi mức tồn kho cao.
- “Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp” cho nhóm sản phẩm ô tô đang bước đầu triển khai thay thế cho cách thức bán hàng truyền thống được đánh giá là chậm và chưa có chuyển biến tích cực.
- Chính sách giảm giá bán sản phẩm cân đối theo mức giảm giá nguyên vật liệu đã tác động đến mức tăng trưởng doanh thu của Công ty.





Thuận lợi

- Thị trường nội địa tương đối ổn định, sản lượng tiêu thụ các nhóm sản phẩm chủ lực như: săm lốp xe máy, săm lốp ô tô đều có mức tăng trưởng. Thị trường lốp ô tô tải nặng Bias được duy trì ổn định. Đây là nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao và chiếm tỷ trọng doanh thu khá lớn trong tổng doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, có thể đánh giá đây là nhóm sản phẩm tăng trưởng không bền vững do xu hướng tất yếu chuyển đổi nhu cầu tiêu thụ sang lốp Radial.
- “Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp” áp dụng đối với nhóm sản phẩm săm lốp xe máy đã đem lại những hiệu quả: Thông tin từ thị trường được xử lý tốt hơn, khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường tăng lên, khả năng bám sát khách hàng và phản hồi tích cực từ thị trường đối với thương hiệu Casumina tăng lên.
- Thị trường xuất khẩu gặp khó khăn, tuy nhiên với các giải pháp linh hoạt, bám sát khách hàng đã giúp Công ty duy trì ổn định.
- Giá nguyên vật liệu ổn định và có xu hướng giảm là một yếu tố thuận lợi giúp Công ty có chính sách dự trữ tồn kho hợp lý và tăng cường nghiên cứu, đổi mới mẫu mã đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tính nhạy bén và phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty và HĐQT trong việc tiếp cận thị trường, đề ra những chiến lược ngắn hạn đã đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Nhu cầu vốn lưu động bình quân giảm, lãi suất cho vay giảm và tỉ giá duy trì ổn định trong năm 2014 đã tiếp tục hỗ trợ Công ty giảm đáng kể chi phí tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Việc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời, đúng thời điểm với sự hỗ trợ của chương trình được duy trì liên tục đã giúp Công ty có lợi thế trong quá trình đề ra những chính sách hợp lý, đem lại hiệu quả cao.

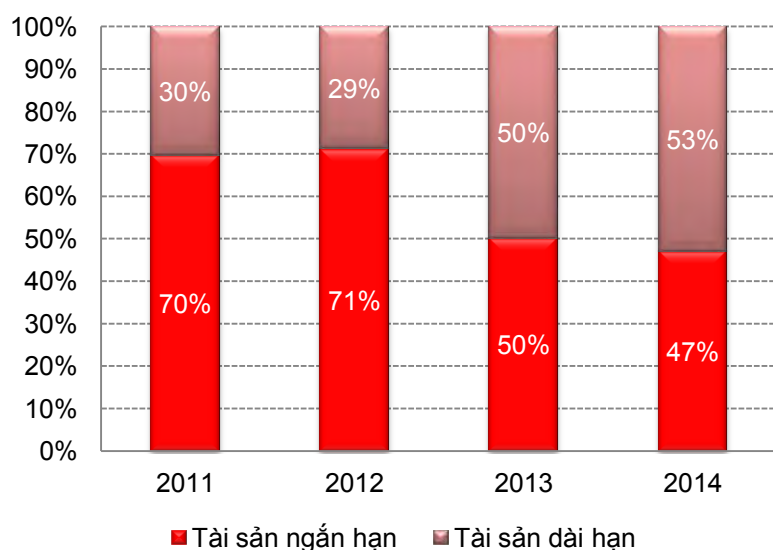


TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	%tăng giảm
Tổng tài sản	Tr.đồng	2.920.797	3.430.598	17,45%
Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	1.466.042	1.608.489	9,72%
Tiền và các khoản tương đương	Tr.đồng	40.414	35.295	-12,67%
Đầu tư tài chính	Tr.đồng	18.920	11.350	-40,01%
Phải thu ngắn hạn	Tr.đồng	399.449	457.691	14,58%
Hàng tồn kho	Tr.đồng	894.932	1.073.706	19,98%
Tài sản khác	Tr.đồng	17.758	125.015	603,99%
Tài sản dài hạn	Tr.đồng	1.454.755	1.822.108	25,25%
Tài sản cố định	Tr.đồng	1.440.373	1.794.717	24,60%
Bất động sản đầu tư	Tr.đồng	-	8.089	-
Đầu tư tài chính	Tr.đồng	13.175	9.650	-26,76%
Tài sản khác	Tr.đồng	1.225	9.652	687,92%

Trong 02 năm 2013, 2014 cơ cấu tài sản của công ty đã có sự cân bằng giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn, nguyên nhân đến từ việc đầu tư nhà máy săm lốp Radial. Tình hình tài sản năm 2014 so với năm 2013 có sự gia tăng tương đương 17,45% cũng có cùng nguyên nhân. Các khoản tăng mạnh trong cơ cấu tài sản ngắn hạn công ty là hàng tồn kho và tài sản khác hình thành từ khoản trả trước người bán với tỷ lệ gia tăng lần lượt là 20% và 604%. Nguyên nhân chủ yếu là do tồn kho nguyên vật liệu sản xuất phục vụ cho toàn công ty cũng như nhà máy mới. Các khoản trả trước tăng mạnh nhằm phục vụ cho công cụ, dụng cụ phục vụ tại nhà máy Radial.

Tài sản dài hạn của công ty cũng gia tăng tương ứng khi nhà máy Radial của công ty hình thành. Riêng khoản giảm 26,76% trong giá trị đầu tư tài chính của năm 2014 là do rút vốn khỏi dự án than đen hillips Carbon Black theo đúng chủ trương của Ban lãnh đạo ty.

Cơ cấu tài sản

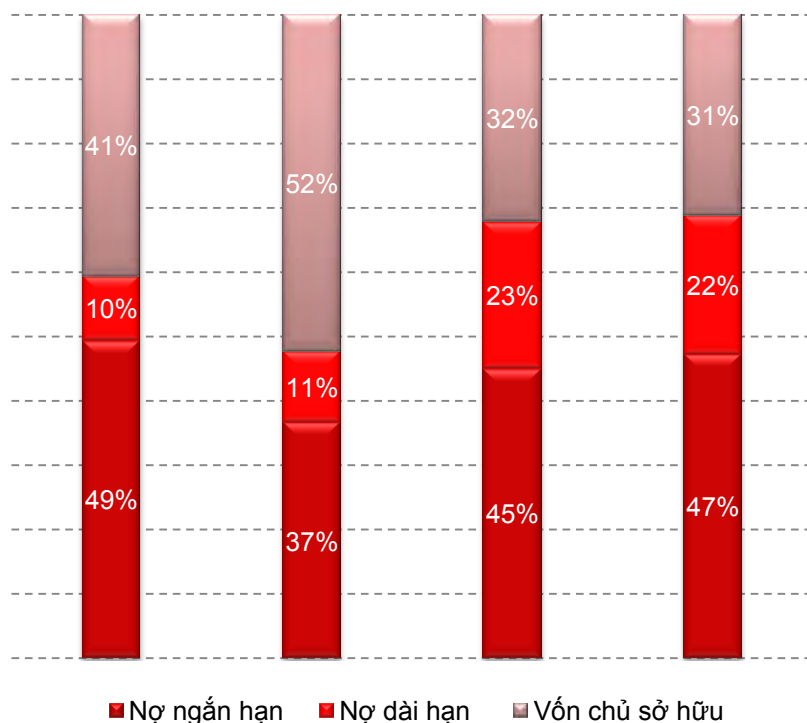
VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	%tăng giảm
Nợ phải trả	Tr.đồng	1.702.336	2.065.972	21,36%
Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	844.428	1.117.886	32,38%
Nợ dài hạn	Tr.đồng	857.908	948.086	10,51%
Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	813.621	881.296	8,32%

Tổng nợ tăng 21,36% trong đó phần tăng chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn. So với năm 2013, nợ ngắn hạn tăng 32,38% còn nợ dài hạn tăng 10,51%. Trong đó nợ ngắn hạn tăng chủ yếu là do vay nợ mua nguyên vật liệu để phục vụ cho nhu cầu của nhà máy mới khánh thành. Còn nợ dài hạn tăng chủ yếu từ khoản vay dài hạn phục vụ cho công tác hoàn thành nhà máy. Vay dài hạn tăng 108,32% tương ứng với 67,6 tỷ đồng.

Trong năm 2014, Casumina không thực hiện các đợt tăng vốn Điều lệ; vì vậy, tổng vốn chủ sở hữu gia tăng là do trích lập các quỹ và kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối của công ty.

Cơ cấu nguồn vốn



NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2014

- Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 và 14001, tiếp tục làm việc với các tổ chức cung cấp các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sản phẩm như: DOT, 4, SNI... nhằm luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra của công ty, cũng như bảo vệ thương hiệu Casumina.
- Tiến hành xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá BSC (hệ thống thẻ điểm cân bằng) đối với các Xí nghiệp và Văn phòng Công ty. Đây là căn cứ quan trọng nhằm đánh giá năng lực của từng nhân viên và có chế độ lương, khen thưởng hợp lý theo đóng góp của nhân viên ở mỗi vị trí công tác trong việc hoàn thành mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống bán hàng theo hướng chuyên nghiệp tại ba khu vực Bắc, Trung, Nam, tiếp tục thực hiện mô hình này đối với nhóm sản phẩm lốp ô tô (đặc biệt chú trọng đến lốp ô tô toàn thép) trong năm 2015.
- Công ty tiếp tục duy trì chương trình quản trị tổng thể (ERP) trong việc điều hành sản xuất, bán hàng, phân tích hoạt động SXKD, hoàn thiện các phân hệ mới như: Quản trị nhân sự – tiền lương, quản trị sản xuất, phân tích kết quả thí nghiệm và các tính năng cơ lý của sản phẩm.





KẾ HOẠCH 2015

STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2014	KH 2015	
				Giá trị	%/2014
1	Giá trị SXCN	Tr đồng	1.303.329	1.604.000	123
2	Doanh thu	Tr đồng	3.178.225	3.563.000	112
2.1	Doanh thu SXCN	"	3.171.494	3.543.000	112
2.1.1	- Nội địa	"	2.255.119	2.561.000	114
2.1.2	- Xuất khẩu	"	916.375	1.002.000	109
2.2	Doanh thu KD	"	24.389	20.000	82
3	Sản lượng hiện vật				
3.1	Lốp xe máy	1.000 Ch	4.289	4.570	107
3.2	Săm xe máy	"	22.765	23.000	101
3.3	Lốp xe đạp	"	3.714	3.700	100
3.4	Săm xe đạp	"	5.989	6.000	100
3.5	Lốp công nghiệp	"	613	650	106
3.6	Lốp ô tô, máy kéo	"	881	924	105
3.7	Săm ô tô	"	683	820	120
3.8	Yếm ô tô	"	380	465	122
3.9	Găng tay	1.000 đôi	7.100	5.600	79
3.10	Ống cao su dân dụng	Tấn	123	125	102
3.11	Bán thành phẩm CSD	Tấn	282	2.900	
4	Lao động & thu nhập				
4.1	Lao động bình quân	Người	2.163	2.490	115
4.2	Thu nhập bình quân	1000 đ	10.110	9.760	97
5	Nộp ngân sách	Trđ	214.405	170.808	80
6	Kim ngạch XNK	1000usd	79.108	87.335	110
7	Đầu tư XDCB	Trđ	271.315	137.246	51
8	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	425.555	370.000(*)	87
9	Cổ tức	%	35%	>=12%	

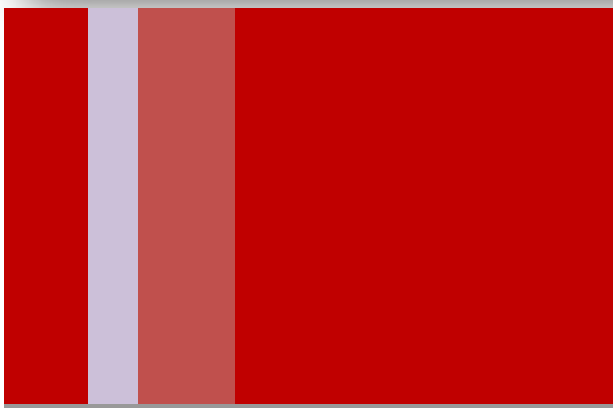
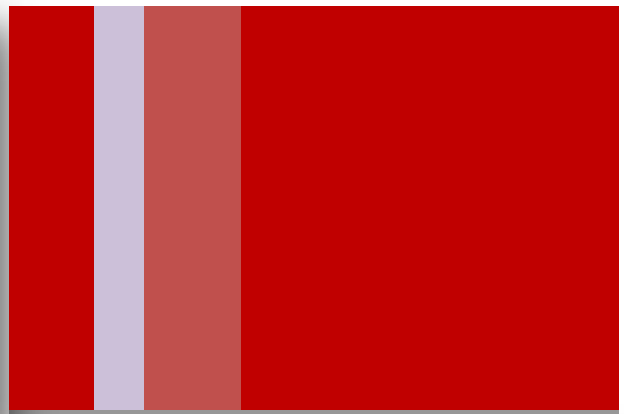
Nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015, Casumina cần thực hiện một số phương án sau:

❖ **Quản trị Công ty và điều hành sản xuất**

- Thực hiện công tác quản trị sản xuất theo hướng: Phối hợp nhịp nhàng giữa các xí nghiệp thành viên, điều phối cân đối và ổn định nhằm tận dụng được tối đa năng suất thiết bị, đảm bảo tổng thời gian vận hành máy ít nhất. Giảm thiểu thời gian chờ và giảm thiểu tình trạng vận hành máy để sản xuất các đơn hàng nhỏ lẻ ngoài kế hoạch.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm trong sản xuất, bám sát mục tiêu chất lượng về tỷ lệ phế để đạt ra mục tiêu tiết kiệm, giảm phế trong từng công đoạn sản xuất.
- Mở rộng quy mô sản xuất đối với nhóm sản phẩm sấm lốp xe máy để đáp ứng mức tăng trưởng ở cả thị trường xuất khẩu và nội địa. Có chính sách đồng bộ linh hoạt giữa tồn kho sản phẩm, tồn kho vật tư và mức độ tiêu thụ theo yếu tố đặc thù mùa vụ, theo dự báo và sự biến động của thị trường.
- Thực hiện công tác đảo kho, áp dụng phương pháp “nhập trước xuất trước” nhằm hạn chế tối thiểu sản phẩm chậm luân chuyển, giảm chất lượng. Kiểm soát lượng tồn kho hợp lý nhằm đáp ứng được nhu cầu thị trường nhưng không phát sinh tồn kho cao.
- Tập trung vào công tác cải tiến dây chuyền sản xuất, rút ngắn các công đoạn hợp lý, áp dụng quy trình sản xuất hiện đại với sự hỗ trợ từ phần mềm ERP nhằm kiểm soát tốt quá trình vận hành thiết bị ở từng công đoạn nhằm tạo được sự đồng bộ, tăng năng suất lao động và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Nghiên cứu đơn pha chế mới, sản phẩm mới thông qua các dự án được thiết lập phù hợp với mục tiêu phát triển công ty với mục đích giảm giá thành, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm.
- Quản lý và sử dụng lao động có hiệu quả. Giảm hao phí lao động, rà soát và định biên lại lao động trên các dây chuyền sản xuất và so sánh tương quan lao động giữa các Xí nghiệp trong cùng một công đoạn sản xuất.
- Thực hiện chương trình cải tiến phân phối tiền lương cho khu gián tiếp, đặc biệt là các Cán bộ kỹ sư giỏi là một trong các giải pháp nhằm nâng cao tính độc lập, sáng tạo và cống hiến của CB-CNV Casumina. Có chính sách trả lương và khen thưởng nhân viên thuộc khối bán hàng theo doanh thu nhằm mục đích phát huy tính chủ động của nhân viên bán hàng và đẩy nhanh sản lượng ra thị trường.
- Thực hiện việc đánh giá BSC thông qua các K I cho từng bộ phận phòng ban và các Xí nghiệp thành viên nhằm đánh giá năng lực từng vị trí công việc phục vụ cho việc sắp xếp nhân sự, trả lương hợp lý và kịp thời điều chỉnh mức độ thực hiện theo mục tiêu chiến lược của Công ty.

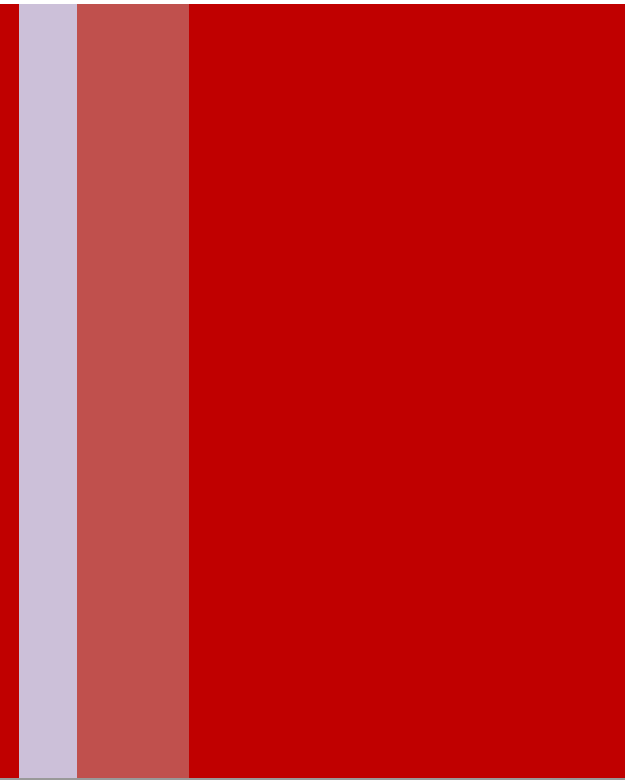
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Tiếp tục triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đối với nhóm sản phẩm săm lốp ô tô trên toàn quốc. Đặc biệt chú trọng đến hệ thống tiêu thụ lốp Radial toàn thép (TBR).
- Duy trì và phát huy tính hiệu quả của hệ thống quản lý ISO 9001 (2008) và ISO 14001. Ngoài ra, Công ty đang hoàn tất thủ tục đề nghị cấp ISO 17025 – tiêu chuẩn công nhận phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn được quốc.
- Duy trì việc phân tích và đề ra những chính sách sản xuất, bán hàng, tài chính hợp lý, linh hoạt với sự hỗ trợ của chương trình quản lý tổng thể doanh nghiệp (ERP).
- Đẩy nhanh tiến độ thiết lập hệ thống kho tàng và vận chuyển tập trung nhằm giảm thiểu chi phí lưu kho và chi phí vận chuyển.
- Duy trì tốt công tác phòng chống cháy nổ, bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.



❖ **Công tác đầu tư Xây dựng cơ bản**

- Nghiên cứu, lập báo cáo khả thi dự án lốp Radial bán thép với công suất 4 triệu lốp/năm. Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của dự án lốp radial toàn thép với công suất 600 nghìn lốp/năm.
- Lập và triển khai dự án tăng quy mô sản xuất lốp xe máy Tubeless (không săm) với công suất 2 triệu lốp/năm tại Xí nghiệp Hóc Môn.
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị lẻ nhằm hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất: Lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, săm ô tô...
- Tiếp tục xem xét và cân nhắc về thời điểm thích hợp thực hiện dự án di dời các nhà máy trong nội thành thành phố Hồ Chí Minh theo quy hoạch tổng thể của Công ty đến năm 2020.
- Đẩy nhanh tiến độ hoàn tất việc chuyển nhượng các dự án bất động sản và tiếp tục tiến hành đàm phán với các đối tác trong việc không tiếp tục thực hiện việc hợp tác các mặt bằng sở hữu của Công ty trong nội thành Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục đàm phán với đối tác để thoái vốn ra khỏi dự án than đen hilips Carbon Việt Nam.
- Lập kế hoạch xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển. Xây dựng và phát triển hệ thống cơ năng bảo trì các thiết bị chuyên dùng và chế tạo những chi tiết theo công nghệ của công ty.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

❖ Chiến lược sản phẩm

- Tập trung toàn lực sản xuất lốp ad ial toàn thép (TB) đạt chất lượng, hoàn thiện hệ thống phân phối và tăng cường hoạt động quảng bá cho dòng lốp này nhằm đẩy sản lượng tiêu thụ tăng theo mục tiêu Công ty, làm tiền đề để triển khai giai đoạn 2 của dự án lốp radial toàn thép.
- Đàm phán với các đối tác để lựa chọn cho Casumina một công nghệ sản xuất tiên tiến khi triển khai dự án adial bán thép đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
- Cải thiện chất lượng, đề ra chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp đối với nhóm sản phẩm sãm lốp xe đạp – nhóm sản phẩm được dự báo vẫn có xu hướng tăng trưởng nhưng ở phân khúc cao cấp.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tập trung nhân lực chiếm lĩnh thị trường đối với dòng sản phẩm lốp xe tay ga cao cấp Dragon, Fire King. Tăng sản lượng tiêu thụ đối với dòng lốp sử dụng sãm Swordsman và hoenix, đồng thời mở rộng tiêu thụ đối với các dòng lốp xe máy phục vụ riêng cho thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục mở rộng và thâm nhập vào các thị trường mới với những sản phẩm đặc thù mang thương hiệu Casumina như: Nam Mỹ, Châu hi...
- Tiếp tục hợp tác với các đối tác có uy tín trên thế giới trong việc cung cấp sản phẩm mang thương hiệu có giá trị gia tăng cao như: Continental (Đức) và các đối tác khác.
- Củng cố và có chính sách đối với thị trường lắp ráp ô tô Việt Nam.
- Hoàn thiện và mở rộng dòng sản phẩm giá rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng: Sãm ô tô tái sinh, xe máy butyl ở cả thị trường xuất khẩu và nội địa.



❖ **Công tác tiếp thị và bán hàng**

- Tiếp tục khai thác và mở rộng thị trường xuất khẩu tập trung vào các khách hàng Đông Nam Á, Châu hi, đặc biệt là nhóm sản phẩm lốp a dial toàn thép.
- Tiếp tục thực hiện và đổi mới chính sách bán hàng linh hoạt về chế độ thanh toán, công nợ, khuyến mãi... cho từng đại lý nhằm tạo sự đồng thuận và hợp tác đôi bên cùng có lợi. Triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp khắp các tỉnh thành, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng.
- Triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp khắp các tỉnh thành, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng.
- Tiếp tục duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Thực hiện chương trình Digital Marketing thông qua các hoạt động sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như: mạng xã hội, internet, mobile... ây dựng cộng đồng CSR (Corporation Social Responsibility) nhằm thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và truyền tải sứ mạng của Casumina “Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc, hiệu quả và thân thiện”. Tập trung truyền thông theo đặc tính của từng thương hiệu con (ví dụ Casumina Radial – chuyên nghiệp và am hiểu, Casumina truyền thống - tính cách và sự tin cậy, Euromina – Phong cách). Xây dựng hình ảnh chuyên gia ngành lốp.
- Thực hiện công tác điều tra, phân tích thị trường theo từng vùng miền, từng nhóm sản phẩm chuyên biệt, đề ra những chính sách phù hợp mang lại hiệu quả cao.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả kinh doanh

Đánh giá hoạt động bán giám đốc

Kế hoạch phát triển tương lai





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình kinh tế trong nước 2014 có tăng trưởng, lạm phát đã được kiểm soát ở mức hợp lý, tuy nhiên môi trường kinh doanh, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp vẫn ở mức thấp. Tính hiệu quả và bài toán năng suất là vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập như hiện nay.

Quay lại với ngành công nghiệp cao su: Giá nguyên vật liệu giảm là một tiền đề tốt để các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ cao su có điều kiện để thực hiện sản xuất sản phẩm với giá thành hạ và đảm bảo được hoạt động nghiên cứu và phát triển những sản phẩm mới nhiều tính năng, chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, tác động từ lượng sản phẩm tồn kho lớn từ các doanh nghiệp nước ngoài trong giai đoạn cuối năm 2013, họ đã tìm mọi cách đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các nước thứ ba, không loại trừ khả năng bán dưới giá thành, cộng với tác động của hoạt động gian lận thương mại chưa được ngăn chặn hữu hiệu đã làm tăng thêm gánh nặng cho các doanh nghiệp trong nước trong cuộc chiến cạnh tranh về giá. Ngoài ra, nhu cầu về săm lốp xe đối với thị trường xuất khẩu có nhiều dấu hiệu bão hòa, điều này làm các doanh nghiệp gặp khó khăn trong thực hiện mục tiêu đạt được tăng trưởng xuất khẩu. Tính cạnh tranh gay gắt còn thể hiện ngay đối với các doanh nghiệp sản xuất săm lốp trong nước, với lợi thế đặc thù của từng doanh nghiệp đã cố gắng lấn áp đối thủ để duy trì thị phần, trong đó có sự tham gia sản phẩm săm lốp của các tổ hợp sản xuất nhỏ lẻ (khi giá nguyên liệu trở nên rẻ họ có điều kiện mở rộng sản xuất, công nghệ sản xuất săm lốp xe máy không còn là bí mật công nghệ trong giai đoạn hiện nay).



Với lợi thế là doanh nghiệp đang dẫn đầu trong ngành sản xuất lốp xe tại Việt Nam, cùng với kinh nghiệm trong phân tích và dự báo đúng diễn biến của thị trường, HĐQT Công ty Casumina đã đề ra các chiến lược căn cơ, đặt ra mục tiêu cho từng quý cùng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, tìm ra các giải pháp nhằm phát huy được nội lực của Công ty như: Thiết kế đổi mới các kiểu gai phù hợp với thị hiếu và địa hình Việt Nam, triển khai thực hiện các đơn hàng theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng xuất khẩu, hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, sử dụng chính sách bán hàng và hậu mãi linh hoạt, bám sát khách hàng..... Đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản trị như: Hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất từng dây chuyền sản xuất, quản trị tồn kho, thực hiện công tác tiết kiệm, giảm thiểu tỷ lệ phế và hao hụt, áp dụng mô hình quản lý theo mục tiêu chiến lược của công ty thông qua hệ thống BSC... Từ những hoạt động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả tốt: Doanh thu 3.178 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ năm 2013 – nếu tính gộp yếu tố giảm giá 7% thì mức tăng trưởng doanh thu là 9%), lợi nhuận trước thuế 2014 đạt 426 tỷ (tăng 89% so với cùng kỳ năm 2013 – nếu tính luôn chi phí khấu hao và lãi vay trả cho dự án lốp radial toàn thép thì lợi nhuận có mức tăng trưởng 4% so với 2013), thu nhập bình quân hơn 10 triệu đồng/người/tháng (tăng 5% so với cùng kỳ năm 2013). Công ty tiếp tục khẳng định vị thế là một doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hàng đầu trong nước và có uy tín tại khu vực Đông Nam Á.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc công ty luôn được Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ, kịp thời có phương án chỉ đạo. Trong năm 2014, Ban giám đốc đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình trong tất cả các mặt. Có thể kể đến như sau:

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị được Ban giám đốc nghiêm túc thực hiện.
- Công tác điều hành xây dựng nhà máy Radial được thực hiện đúng quy định, Ban giám đốc không ngừng kiểm tra giám sát, tránh thất thoát trong khâu xây dựng cũng như sản xuất. Liên tục đôn đốc để dự án có thể hoàn thành và đưa vào sản xuất đúng tiến độ.
- Công tác thoái vốn các dự án Bất động sản đã được Ban giám đốc thực hiện nhanh chóng, các dự án chưa tìm được đối tác hay gặp khó khăn trong việc thương lượng với đối tác cũng được Ban giám đốc giải quyết kịp thời và tìm phương án thay thế, tránh tối đa tổn thất cho công ty.
- Khâu kinh doanh bán hàng thể hiện được tính năng động sáng tạo và linh hoạt của Ban giám đốc. Trong nước, công ty áp dụng chính sách chiết khấu cho các đại lý bán hàng, đây là một chính sách độc đáo giúp duy trì mạng lưới bán hàng vững mạnh cho công ty. Với thị trường xuất khẩu, Ban giám đốc không ngại khó khăn trong việc tìm kiếm mở rộng thị trường giúp gia tăng hiệu quả kinh doanh, phát triển thương hiệu Casumina. Một minh chứng có thể kể đến là sản phẩm mới – Lớp Radial đã xuất khẩu sang Mỹ, thị trường được đánh giá là khó tính với các sản phẩm nhập khẩu.

Với những kết quả nêu trên, Hội đồng quản trị đánh giá cao năng lực điều hành của Ban giám đốc công ty, khuyến khích tính sáng tạo và năng động của Ban giám đốc với kỳ vọng sẽ đưa Casumina phát triển thành một thương hiệu lớn mạnh không chỉ trong nước mà trên cả thị trường quốc tế.



KẾ HOẠCH TƯƠNG LAI

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty đến năm 2015 có tính đến năm 2020, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

❖ h i t i k e h a h s a n x u a t k i n h d o a n h 2 0 1 4

Tổng doanh thu: 3.563 tỷ đồng, bằng 111 % so với thực hiện năm 2014.

Ợ i n h u ậ n t r u ớ c t h u ế : 3 0 t ỷ đ o ń g , b ằ ń g 8 % s o v ớ i t h ự c h i ệ n n ă m 2 0 1 4 (m ứ c l ợ i n h u ậ n k ế h o ặ c h 2 0 1 5 c h u ơ a t ỉ ń h i ệ u q u ả c h u ể n n h u ợ ń g d ự k i ế n t ừ c ấ c d ự ấ n b ấ t đ ộ ń g s ả n c ủ a C ồ ń g t ỹ).

Chia cổ tức: Ứ c t ỏ i t h i ệ u l ầ 1 2 % .

❖ t ń g h đ ạ h t a n ń g g i ấ m đ ố

- T i ế p t ự c x ấ y d ự ń g h ệ t h ố ń g b ả n h à ń g c h u ể n n g h i ệ p , t r i ể n k h a i c ấ c k h u v ự c c ồ n l ậ i v ầ l ớ p ô t ô . T ậ p t r u ń g t o ầ n l ự c c h o c ồ ń g t ấ c t i ệ u t h ụ l ớ p r a d i a l t o ầ n t h ế p , đ ặ t m ứ c s ả n l ự ợ ń g k ế h o ặ c h đ ấ đ ề r a .
- M ở r ộ ń g t h ị t r u ợ ń g x u ấ t k h ầ u . T h ầ m g i ầ v ầ o c h u ố i c u ń g ứ ń g đ ố i v ớ i c ấ c đ ố i t ắ c c ó u ỹ t ỉ n .
- T r i ể n k h a i t h ầ n c ồ ń g c h i ế n l ự c h o ặ c h k ế h o ặ c h t r i ể n c ủ a C ồ ń g t ỹ n ă m 2 0 1 5 t h ồ ń g q u ầ h ệ t h ố ń g B S C . B ắ m s ắ t , p h ầ n t ỉ c h , đ ấ ń g g i ầ k h ả n ặ ń g t h ự c h i ệ n t h ồ t ừ ń g t h ắ ń g .
- D ự y t r ị v i ệ t t r i ể n k h a i c ấ c g i ầ p h ầ p g i ầ m c h í s ả n x u ấ t v ầ t i ế t k i ệ m .
- T i ế p t ự c n ầ ń g c ấ p c h u ồ ń g t r ỉ ń h q u ả n l ầ t ồ ń g t h ể R , n ầ ń g c ầ o c ồ ń g t ấ c q u ả n t r ị .
- T r i ể n k h a i N g h ị q u ỹ t ế t c ủ a Đ ậ i h ộ i đ ồ ń g c ồ đ ồ ń g đ ố i v ớ i c ấ c d ự ấ n đ ầ u t ừ đ ứ ń g t i ế n đ ộ , đ ứ ń g q u ỹ đ ị ń h c ủ a p h ầ p l ự ầ t v ầ Đ i ề u l ệ c ủ a C ồ ń g t ỹ .
- T i ế p t ự c h o ầ n t h i ệ n v ầ t h ự c h i ệ n đ ứ ń g c ấ c Q u ỹ c h ế , Q u ỹ đ ị ń h c ủ a C ồ ń g t ỹ .



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Nội dung khác





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Tên thành viên	Số cuộc họp tham dự	Chức vụ	Tư cách	Chức vụ tại công ty khác
1	Bùi Thế Chuyên	9/9	Chủ tịch HĐQT	Độc lập	Trưởng ban Kế hoạch,
2	Phạm Hồng Phú	9/9	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có
3	Trần Văn Trí	9/9	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có
4	Nguyễn Minh Thiện	9/9	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có
5	Nguyễn Ngọc	9/9	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có

CÁC NGHỊ QUYẾT

STT	Ngày	Số NQ-HĐQT	Nội dung
1	20/1/2014	77/2014	Kết quả hoạt động SXKD quý IV/2013 & Kế hoạch quý I/2014
2	20/1/2014	78/2014	Hoạch toán Công nợ Hoa Việt vào Chi phí bán hàng 2014
3	20/1/2014	79/2014	Thoái vốn số 9 Ng khoá1
4	20/1/2014	80/2014	Thoái vốn số 204 Nguyễn Tất Thành
5	20/1/2014	81/2014	Các vấn đề khác
6	17/3/2014	82/2014	Bổ sung KH Đầu tư xây dựng năm 2014
7	17/3/2014	83/2014	Sửa đổi bổ sung quy chế Quản lý Đầu tư xây dựng
8	8/4/2014	84/2014	KQ hoạt động SXKD quý I – KHSx quý II
9	8/4/2014	85/2014	Sửa đổi quy chế BHNĐ năm 2014
10	8/4/2014	86/2014	Thông qua nội dung các Báo cáo/tờ trình phcu5 vụ ĐHCĐ 2014
11	25/4/2014	86A/2014	NQ ĐHCĐ 2014
12	27/5/2014	87/2014	Bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý (2014-2017)
13	27/5/2014	88/2014	Thoái vốn khỏi các dự án BĐS trong liên6 doanh Tân Thuận Việt
14	27/5/2014	89/2014	Thành lập chi nhánh công ty (XN lớp Radial)
15	27/5/2014	90/2014	Chi trả cổ tức 2013
16	27/5/2014	91/2014	Điều chỉnh và bổ sung KH đầu thầu của các gói thầu thuộc Dự án xây dựng Nhà máy lớp xe tải toàn thép
17	27/5/2014	92/2014	Bổ nhiệm lại các phó TGD/KTT (2014-2017)
18	27/5/2014	93/2014	Các vấn đề khác
19	27/5/2014	94/2014	Bổ nhiệm lại TGD (2014-2017)
20	18/7/2014	95/2014	Mua bán đất với ông Nguyễn Ngọc Phương – TVHĐQT
21	25/7/2014	96/2014	Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2014
22	25/7/2014	97/2014	Kết quả hoạt động SXKD quý II/2014 và KH SXKD quý III/2014
23	22/10/2014	98/2014	Kết quả hoạt động SXKD quý III/2014 và KH SXKD quý IV/2014
24	22/10/2014	99/2014	Di dời kết hợp đầu tư mở rộng xưởng SX lớp bán thép
25	22/10/2014	100/2014	KH đầu tư xây dựng điều chỉnh 2014
26	22/10/2014	101/2014	KH dự trữ cao su thiên nhiên 2015
27	22/10/2014	102/2014	Thanh lý nhà kho 504, Nguyễn Tất Thành, Q.4
28	30/12/2014	103/2014	Thoái vốn khỏi dự án 504, Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM

CÁC QUYẾT ĐỊNH

STT	Ngày	Số QĐ-HĐQT	Nội dung
1	27/5/2014	47	Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Đình Đông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách Kỹ thuật
2	27/5/2014	48	Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Minh Thiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty
3	27/5/2014	49	Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Song Thao giữ chức vụ phó TGDĐ phụ trách Đầu tư kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cao su Bình Dương
4	20/5/2014	50	Ban hành quy chế quản lý đầu tư XD
5	27/5/2014	52	Bổ nhiệm lại Ông Phạm Hồng Phú giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành Công ty.
6	27/5/2014	53	Thành lập chi nhánh công ty (XN lớp Radial)
7	27/5/2014	54	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số gói thầu cho kế hoạch đầu thầu điều chỉnh lạng 4 giai đoạn I
8	22/10/2014	56	Phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư dự án di dời kết hợp đầu tư mở rộng SX lốp bán thép
9	22/10/2014	57	Phê duyệt kế hoạch đầu tư điều chỉnh năm 2104 của Công ty

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ
Lê Thị Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Vũ Thị Ngọc	Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức trách được giao. Năm 2014 Ban kiểm soát có các buổi họp định kỳ hàng quý, để đề ra nội dung, kế hoạch làm việc theo tiến trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đã có kiến nghị, đề xuất về việc thực hiện chế độ, qui định, qui chế tài chính, chi trả tiền lương, thưởng, kiểm soát lao động, tiết kiệm vật tư đã được Ban lãnh đạo Công ty nghiêm túc xem xét, chỉnh sửa để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả tốt hơn và giảm thiểu rủi ro.

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25/4/2014, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã có sự thay đổi và bổ nhiệm mới. Việc thay đổi đã thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.

Một số chỉ tiêu chính được Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014 thông qua đã được thực hiện như sau:

- Doanh thu thuần: Kế hoạch 3.350 tỷ đồng. Thực hiện năm 2014 là 3.178 tỷ đồng đạt 95% kế hoạch.
- Lãi trước thuế: Kế hoạch 300 tỷ đồng. Thực hiện năm 2014 là 425 tỷ đồng đạt 141,7% kế hoạch.
- Đầu tư: Đã hoàn thành giai đoạn đầu tư thiết bị, máy móc, xây dựng cơ bản nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial toàn thép và đã có sản phẩm tung ra thị trường được chấp nhận
- Năm 2014, tài sản cố định tăng chủ yếu từ dự án Radial là 1.447 tỷ đồng.

Năm 2014 Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp có nội dung và hình thức phù hợp với Điều lệ của công ty. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều đáp ứng kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2014 tình hình kinh tế của cả nước vẫn chưa khởi sắc, chi tiêu của cả nước giảm, sản phẩm lớp nước ngoài giá rẻ, chất lượng chưa được kiểm định tràn ngập thị trường ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước bối cảnh đó Ban Tổng giám đốc đã vận dụng được nhiều yếu tố thuận lợi: lãi suất vay ngân hàng, tỷ giá ngoại tệ ổn định, giá nguyên vật liệu chính giảm, đã đề ra nhiều giải pháp linh động kịp thời về sản xuất; chính sách bán hàng linh hoạt phát triển ra các vùng miền, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, cải tiến chế độ lương, thưởng.

Do vậy chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đều đạt kết quả tốt.

Kiểm soát công nợ:

Tổng số nợ phải thu ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2014 là 457,691 tỷ đồng. Trong đó dự phòng khó đòi là 13 tỷ 925 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3% . Tỷ trọng nợ phải thu trên tổng doanh thu thuần năm 2014 (3.178 tỷ) là 14,4% tăng so với năm 2013 là 1,7 %.

Tổng số nợ phải trả ngắn hạn đến 31/12/2014 là 1.117 tỷ đồng tăng 32,3% so với năm 2013. Nợ phải trả dài hạn năm 2014 cũng tăng 10,6 % so với năm 2013.

Công tác quản lý định mức tiêu hao vật tư và định mức tỷ lệ phế phẩm.

Năm 2014 Ban Tổng giám đốc đã quan tâm nhiều đến công tác này. Tuy nhiên tỷ lệ phế phẩm ở một số sản phẩm vẫn chưa có kết quả khả quan, chất lượng sản phẩm vẫn còn phải cải tiến tốt hơn.

Tình hình bảo toàn vốn

Công ty đã bảo toàn được vốn hoạt động của mình. Đến thời điểm 31/12/2014 vốn điều lệ của Công ty là 672.932.050.000 đồng, không thay đổi so với năm 2013.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	72.000.000
2	Thành viên HĐQT	253.000.000
3	Ban kiểm soát	138.000.000
4	Thư ký	54.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cp sở hữu đầu kì		Số cp sở hữu cuối kì		Lý do tăng, giảm
			Số cp	Tỷ trọng	Số cp	Tỷ trọng	
1	Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch HĐQT	7.084	0,011%	12.048	0,017%	Mua vào



**Xác nhận của doanh nghiệp
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
CAO SU MIỀN NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Năm 2014 kết thúc ngày 31/12/2014
đã được kiểm toán**



ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
- AASCS**



Số: 16.X/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : - **Cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam**

- **Hội đồng Quản trị**

- **Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, được lập ngày 19 tháng 01 năm 2015 từ trang 06 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 19 tháng 5 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**


Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên



Dương Nguyễn Thúy Mai

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0348-2013-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Thuyết		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	số	minh V.		
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.608.489.457.695	1.466.041.842.146
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	40.414.068.300	35.295.375.818
1. Tiền	111		40.414.068.300	35.295.375.818
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.920.000.000	11.350.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2	18.920.000.000	11.350.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		457.691.451.999	399.448.754.773
1. Phải thu khách hàng	131	3	431.452.343.266	315.694.345.120
2. Trả trước cho người bán	132	4	20.527.823.918	89.368.337.934
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	6	19.637.183.258	6.336.936.161
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	6	(13.925.898.443)	(11.950.864.442)
IV. Hàng tồn kho	140		1.073.705.823.707	894.932.219.260
1. Hàng tồn kho	141	7	1.073.705.823.707	894.932.219.260
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.758.113.889	125.015.492.295
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			6.629.066.785
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	8	15.794.534.660	117.598.833.832
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	9	1.549.768.489	941.866
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	413.810.540	786.649.812
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.822.108.146.390	1.454.755.303.801
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	218			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN 1	Mã số	Thuyết minh V. 3	Số cuối kỳ	
			2	4
			Số đầu kỳ 5	
II. Tài sản cố định	220		1.794.716.916.577	1.440.372.589.744
1. TCSD hữu hình	221	11	1.478.037.092.892	146.849.054.939
- Nguyên giá	222		2.190.385.853.681	728.167.907.756
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(712.348.760.789)	(581.318.852.817)
2. TCSD thuê tài chính	224	12	11.523.733.036	13.501.392.919
- Nguyên giá	225		19.006.028.705	20.781.346.310
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(7.482.295.669)	(7.279.953.391)
3. TCSD vô hình	227	13	238.155.218.595	158.237.160.464
- Nguyên giá	228		248.275.245.135	167.775.584.804
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.120.026.540)	(9.538.424.340)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	67.000.872.054	1.121.784.981.422
III. Bất động sản đầu tư	240		8.089.092.500	
- Nguyên giá	241	15	8.089.092.500	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.650.345.815	13.157.415.319
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	9.650.345.815	13.157.415.319
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.651.791.498	1.225.298.738
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	8.866.633.652	756.145.892
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	18	785.157.846	470.152.846
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.430.597.604.085	2.920.787.145.847

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	số	minh		
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.065.971.692.780	1.702.335.998.069
I. Nợ ngắn hạn	310		1.117.885.521.437	844.427.730.666
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	618.521.120.929	444.288.263.161
2. Phải trả người bán	312	20	142.833.131.604	196.020.173.003
3. Người mua trả tiền trước	313	21	2.552.611.213	2.543.620.553
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	25.062.471.328	39.807.850.676
5. Phải trả người lao động	315	23	111.230.349.419	91.842.012.751
6. Chi phí phải trả	316	24	53.244.945.057	40.118.565.339
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng				
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	25	133.630.998.815	9.373.048.159
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	26	30.809.893.072	20.434.197.024
II. Nợ dài hạn	330		948.086.171.343	857.908.267.403
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	27	11.550.000.000	3.895.725.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	28	881.295.791.846	813.620.504.711
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	29	165.379.497	391.737.692
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	30	55.075.000.000	40.000.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.364.625.911.305	1.218.461.147.878
(400 = 410 + 430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.364.625.911.305	1.218.461.147.878
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	31	672.932.050.000	672.932.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	32	(12.050.000)	(12.050.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			722.613.286
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	33	159.157.117.444	87.143.849.589
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	34	56.959.836.569	38.956.519.605
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	35	475.588.957.292	418.718.165.396
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.430.597.604.085	2.920.797.145.947

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU 1	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	2	3	4
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	49	2.522.175.093	2.522.175.093
5. Ngoại tệ các loại	1.2		
- USD		\$701.869,15	\$116.370,32
- EUR		€ 401,29	€ 412,09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Đỗ Anh Dũng

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Chiến

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

*Phạm Hồng Phú*

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

- 9 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm 2014	Năm 2013
		minh V.		
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36	3.188.912.320.749	3.166.282.125.064
2. Các khoản giảm trừ	02	37	10.687.215.254	32.493.177.374
+ Chiết khấu			6.884.549.288	31.004.431.334
+ Giảm giá hàng bán			0	0
+ Hàng bán bị trả lại			3.802.665.966	1.488.746.040
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp				
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.178.225.105.495	3.133.788.947.690
4. Giá vốn hàng bán	11	38	2.351.974.054.975	2.296.387.280.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		826.251.050.520	837.401.666.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	39	16.288.829.712	45.299.184.979
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	40	75.253.277.499	101.914.724.871
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		55.821.680.180	40.635.661.235
8. Chi phí bán hàng	24	41	133.210.114.927	97.142.449.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	42	219.476.505.455	210.430.846.259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		414.599.982.351	473.212.831.208
11. Thu nhập khác	31	43	12.791.977.840	14.828.974.345
12. Chi phí khác	32	44	1.836.135.225	7.230.287.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.955.842.615	7.598.687.345
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		425.555.824.966	480.811.518.553

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

- 10 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm 2014	Năm 2013
	Mã số	minh		
1	2	3	4	5
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	45	94.817.899.304	120.465.740.109
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	46	(226.358.195)	279.439.169
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	47	330.964.288.857	360.066.339.275
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	48	4.776	5.850

Người lập biên

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

Giám đốc





*Đỗ Anh Dũng**Nguyễn Minh Chiến**Phạm Hồng Phú*

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

- 11 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	425.555.524.966	480.811.518.533
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	138.738.862.631	64.960.083.723
- Các khoản dự phòng	03	1.975.034.001	(26.511.830.222)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(722.613.288)	722.613.288
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(28.661.031.883)	(59.970.214.381)
- Chi phí lãi vay	06	55.821.680.180	40.635.661.235
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	592.707.756.607	500.647.832.196
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	41.336.478.110	(66.349.680.629)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(178.773.604.447)	(58.285.616.749)
- Tăng giảm tài sản ngắn hạn khác			
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	105.400.146.978	90.212.787.035
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.482.420.975)	(1.832.019.076)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(45.301.486.584)	(40.635.661.235)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(108.166.015.757)	(124.602.800.342)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.724.095.430	45.650.246.466
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(19.244.616.094)	(11.397.853.350)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	406.201.333.268	333.407.234.247
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(501.172.281.964)	(1.023.741.394.764)
2. Tiền thu để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	727.497.059	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ	23		0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (số dư được kết chuyển từ tài khoản 222)	25	(7.570.000.000)	(9.450.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (số dư được kết chuyển từ tài khoản 128, 228)	26	3.607.069.504	61.050.120.860
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi đầu tư chứng khoán	27	16.238.829.712	55.956.480.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(488.218.885.689)	(916.184.793.009)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		87.754.580.000

(Các chữ viết in đậm từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2014		Năm 2013
		2	3	4
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.015.941.202.936		840.647.833.712
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.769.824.185.067)		(165.215.897.774)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(4.209.172.966)		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(154.771.600.000)		(175.529.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	87.136.244.903		587.657.125.938
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	5.118.692.482		4.879.567.176
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.295.975.818		30.415.808.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	40.414.068.300		35.295.375.818

Người lập biểu

Đỗ Anh Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Chiến

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Phú

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 63 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo Quyết định số 3240/QĐ – BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ty cổ phần số 0300419930 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 12 năm 2013.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vốn điều lệ của Công ty là: 672.932.050.000 VND, tương đương 67.293.205 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 34.321.980 cổ phần, chiếm 51 % vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là 32.971.225 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng, Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

3. Tổng số lao động : 2.453 người.

- Trong đó: Lao động gián tiếp: 1.136 người, lao động trực tiếp: 1.317 người.

4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

Không có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chế độ kế toán áp dụng

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006 – QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam là Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc, xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia sẻ trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp sản phẩm hoàn thành tương đương.

Hàng tồn kho luân chuyển giữa Công ty và các xí nghiệp, giá hàng tồn kho được xác định và ghi nhận theo giá bình quân gia quyền (doanh thu nội bộ và giá gốc hàng tồn kho được ghi nhận theo giá bình quân gia quyền).

Cuối kỳ kế toán, Công ty xác định giá trị nguyên vật liệu và bán thành phẩm dở dang, chênh lệch giữa giá trị dở dang cuối kỳ và đầu kỳ được phân bổ vào giá thành của tất cả các sản phẩm sản xuất trong kỳ theo tỷ lệ nguyên vật liệu chính.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng đối với từng loại nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm tồn kho.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Trong kỳ, Công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Số dư các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

- Là tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là tài sản dài hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Tại thời điểm lập báo cáo cuối kỳ, Công ty đã trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

5. Hợp đồng thuê tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị biện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

6.1. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

7.1. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất lại sản phẩm dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7.2. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác**7.2.1. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.2.2. Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Kế toán các khoản đầu tư tài chính**8.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc, Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

8.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo được phân loại và ghi nhận trên báo cáo tài chính như sau:

- Là khoản " tương đương tiền" nếu có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- Là một tài sản đầu tư ngắn hạn nếu có thời gian thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh.
- Là một tài sản đầu tư dài hạn nếu có thời gian thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh.

8.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo được phân loại và ghi nhận trên báo cáo tài chính như sau:

- Là khoản " tương đương tiền" nếu có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- Là một tài sản đầu tư ngắn hạn nếu có thời gian thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh.
- Là một tài sản đầu tư dài hạn nếu có thời gian thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh.

8.4. Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm hoặc trên một

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Số dư của các tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Số dư của thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

11. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn và các chi phí dịch vụ khác phân bổ trong thời gian sử dụng;

12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Theo quy chế tài chính của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

ngiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

16. Công cụ tài chính:

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua tiền, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Xem trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính, thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận. Tất cả khoản nợ tài chính được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Xem trong thuyết minh báo cáo tài chính.

17. Báo cáo bộ phận:

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý: là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
1. Tiền		40.414.068.300	35.295.375.818
1.1. Tiền mặt tại quỹ (TK 111)		5.037.677.982	1.546.562.161
Tiền VND		5.037.677.982	1.546.562.161
- Văn phòng TP.Hồ Chí Minh		3.928.759.908	1.139.436.436
- Xí nghiệp Đồng Nai		137.496.014	24.693.963
- Xí nghiệp Hóc Môn		99.132.585	181.408.002
- Xí nghiệp Bình Lợi		71.060.104	81.754.434
- Xí nghiệp Bình Dương		296.320.506	119.269.336
- Xí nghiệp Lốp Radial		604.908.865	
Tiền mặt tồn quỹ khớp với biên bản kiểm kê thực tế			
1.2. Tiền gửi ngân hàng (TK 112)		35.376.390.318	33.748.813.657
Tiền VND		20.451.615.101	31.283.107.495
Văn phòng Tp.HCM		12.338.195.586	13.637.318.513
Trong đó:			
- Sở giao dịch II NH Công Thương - CN TP.HCM		45.880.663	1.187.533.794
- NH Ngoại thương - CN TP.HCM		5.986.662.173	10.810.164.334
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Bến Nghé		2.651.946.206	902.577.785
- HSBC Bank - VND		2.615.741.152	177.566.763
Xí nghiệp Đồng Nai		6.047.863.204	15.022.118.614
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng Công Thương khu Công nghiệp Biên Hòa		5.079.872.224	5.007.181.017
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa, Đồng Nai		38.703.099	250.799.031
- Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Đồng Nai		929.287.881	9.764.138.566
Xí nghiệp Hóc Môn		904.803.529	363.861.050
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TP.HCM		901.974.800	360.517.796
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch Thới An		2.828.729	3.343.254
Xí nghiệp Bình Lợi		36.614.844	440.289.486
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Thạnh		36.614.844	440.289.486
Xí nghiệp Bình Dương		450.030.081	1.819.519.762
- NH TMCP Ngoại thương VN - CN Bình Dương		450.030.081	1.819.519.762
Xí nghiệp Lốp Radial		674.107.857	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q5, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
- NH TMCP Ngoại Thương VN-CN Bình Dương		674.107.857	
Ngoại tệ		14.924.775.217	2.465.706.232
Văn phòng Tp.HCM	USD 701.869,15	14.914.149.187	2.448.047.456
	EUR 401,29	10.625.030	17.658.776
Trong đó:			
- NH Ngoại thương - USD - CN TP.HCM	USD 615.188,59	13.072.452.481	2.412.529.016
- NH Ngoại thương - EUR - CN TP.HCM	EUR 302,83	8.018.841	14.976.665
Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng			
2. Đầu tư ngắn hạn (TK 128)		18.920.000.000	11.350.000.000
Văn phòng Tp.HCM		18.920.000.000	11.350.000.000
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hồ Chí Minh		18.920.000.000	
- Công ty Tài Chính cổ phần Hóa Chất Việt Nam			10.000.000.000
- Công ty CP Thương mại Địa ốc Tân Thuận Việt			1.350.000.000
3. Phải thu khách hàng (TK 131)		431.452.343.266	315.694.345.120
Văn phòng Tp.HCM		421.947.305.086	304.907.173.633
+ Trong nước:		251.934.447.128	189.125.237.436
+ Ngoài nước:		170.012.857.958	115.781.936.197
Xí nghiệp Đồng Nai		8.980.425.061	10.111.482.514
Xí nghiệp Hóc Môn		472.563.143	635.364.997
Xí nghiệp Bình Lợi		52.049.976	40.323.976
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
4. Trả trước cho người bán (TK 331)		20.527.823.918	89.368.337.934
Văn phòng Tp.HCM		20.477.823.918	89.014.140.230
+ Trong nước:		3.018.264.826	31.528.341.551
+ Ngoài nước:		17.459.559.092	57.485.798.679
Xí nghiệp Đồng Nai			300.397.704

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014 Ngoại tệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>			<u>3.800.000</u>
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>50.000.000</u>	<u>50.000.000</u>
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
5. Phải thu khác		<u>19.637.183.258</u>	<u>6.336.936.161</u>
5.1. Phải thu khác (TK 1388)		<u>18.935.977.926</u>	<u>5.501.178.472</u>
Văn phòng Tp.HCM		<u>16.873.245.216</u>	<u>5.197.247.005</u>
Phải thu khác (TK13881)		16.873.245.216	5.197.247.005
Xí nghiệp Đồng Nai		<u>145.007.713</u>	<u>90.092.685</u>
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		145.007.713	90.092.685
Xí nghiệp Học Môn		<u>23.646.373</u>	<u>49.555.025</u>
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		23.646.373	49.555.025
Xí nghiệp Bình Lợi		<u>60.088.753</u>	<u>94.965.526</u>
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		60.088.753	94.965.526
Xí nghiệp Bình Dương			<u>69.318.231</u>
Phải thu khác (TK 13881)			69.318.231
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)			14.526.011
Xí nghiệp Lớp Radial		<u>1.833.989.871</u>	
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		1.833.989.871	
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
5.2. Phải thu khác (TK338)		<u>701.205.332</u>	<u>835.757.689</u>
Văn phòng Tp.HCM		<u>127.524.982</u>	<u>621.728.070</u>
- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)		105.224.982	515.550.093
- Phải trả, phải nộp khác (TK 33889)		22.300.000	106.177.977
Xí nghiệp Đồng Nai		<u>434.819.871</u>	<u>95.326.995</u>
- Nhập quỹ công đoàn (TK 33822)		287.653.303	
- Bảo hiểm xã hội (Tk 3383)		147.166.568	79.771.949
- Bảo hiểm y tế (Tk 3384)			15.555.046
Xí nghiệp Bình Dương		<u>52.043.789</u>	<u>118.702.624</u>
- Bảo hiểm xã hội (Tk 3383)		52.043.789	84.872.245
- Bảo hiểm y tế (Tk 3384)			24.720.992

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
- Bảo hiểm thất nghiệp (Tk 3389)			9.109.387
<u>Xí nghiệp Lớp Radial</u>		<u>86.816.690</u>	
- Bảo hiểm xã hội (Tk 3383)		86.816.690	
<u>6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (TK 139)</u>		<u>(13.925.898.443)</u>	<u>(11.950.864.442)</u>
<u>Các khoản phải thu khó đòi của Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>(13.925.898.443)</u>	<u>(11.950.864.442)</u>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong nước		(12.197.244.373)	(11.518.210.372)
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi nước ngoài		(1.728.654.070)	(432.654.070)
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>7. Hàng tồn kho</u>		<u>1.073.705.823.707</u>	<u>894.932.219.260</u>
<u>Nguyên liệu , vật liệu (TK 152)</u>		<u>734.917.640.306</u>	<u>626.373.989.876</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>240.157.728.785</u>	<u>131.409.429.559</u>
- Nguyên vật liệu chính (TK 1521)		227.690.644.998	120.539.897.973
- Vật liệu phụ (TK 1522)		2.179.049.329	1.602.640.506
- Nhiên liệu các loại (TK 1523)		224.487.019	6.997.759
- Phụ tùng thay thế (TK 1524)		10.063.545.144	9.259.891.020
- Vật liệu khác (TK 1525)		2.295	2.295
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>18.736.676.787</u>	<u>23.478.409.297</u>
- Nguyên vật liệu chính (Tk 1521)		16.779.433.580	22.077.955.006
- Vật liệu phụ (Tk 1522)		161.662.678	258.775.821
- Nhiên liệu các loại (Tk 1523)		89.475.584	22.860.662
- Phụ tùng thay thế (Tk 1524)		1.706.104.945	1.118.817.796
- Vật liệu khác (TK 1525)			22
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>11.583.173.427</u>	<u>10.354.260.364</u>
- Nguyên vật liệu chính (TK 1521)		9.737.416.764	8.908.263.950
- Vật liệu phụ (TK 1522)		405.390.480	523.807.011
- Nguyên liệu các loại (TK 1523)		75.811.211	124.519.583
- Phụ tùng thay thế (TK 1524)		1.364.554.972	797.669.820
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>16.006.878.348</u>	<u>16.072.839.772</u>
- Nguyên liệu, vật liệu chính (TK 1521)		13.694.287.034	12.816.537.568
- Nguyên liệu, vật liệu phụ (TK 1522)		428.305.948	326.194.853

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SỰ MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
- Nhiên liệu các loại (TK 1523)		421.378.887	369.818.719
- Phụ tùng thay thế (TK 1524)		1.462.906.479	1.560.288.632
Xí nghiệp Lốp Radial		133.931.487.105	21.332.023.276
- Nguyên liệu, vật liệu chính (TK 1521)		130.368.461.464	18.241.000.996
- Nguyên liệu, vật liệu phụ (TK 1522)		2.317.897.840	3.079.322.283
- Nhiên liệu các loại (TK 1523)		80.567.858	11.699.997
Xí nghiệp Bình Dương		314.501.695.854	424.727.027.414
- Nguyên vật liệu chính (Tk 1521)		311.828.189.876	421.899.768.466
- Vật liệu phụ (Tk 1522)		1.200.003.317	1.730.823.430
- Nhiên liệu các loại (Tk 1523)		390.994.163	411.639.710
- Phụ tùng thay thế (Tk 1524)		1.082.508.498	684.795.426
- Vật liệu khác (Tk 1525)		0	382
Công cụ, dụng cụ (TK 153)		8.222.844.477	5.379.252.193
Văn phòng Tp.HCM		909.772.132	323.469.160
- Công cụ dụng cụ (TK 1531)		291.835.178	200.603.771
- Bao bì luân chuyển, băng keo các loại (TK 1532)		617.936.954	122.865.389
Xí nghiệp Đồng Nai		1.880.234.014	1.571.719.648
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		347.657.752	276.178.476
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		1.532.576.262	1.295.541.172
Xí nghiệp Hóc Môn		3.643.830.048	2.539.955.357
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		1.288.010.347	223.791.997
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		2.355.819.701	2.316.163.360
Xí nghiệp Bình Lợi		825.512.206	895.136.476
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		499.736.625	542.980.319
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		325.775.581	352.156.157
Xí nghiệp Bình Dương		547.766.191	43.971.552
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		444.788.791	39.596.552
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		102.977.400	9.375.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
Xí nghiệp Lớp Radial		415.729.886	
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		4.699.726	
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		411.030.158	
Thành phẩm (TK 155)		326.758.889.558	262.308.638.749
Văn phòng Tp.HCM		45.879.841.739	46.197.127.655
Xí nghiệp Đồng Nai		62.276.647.257	78.940.459.454
Xí nghiệp Hóc Môn		73.406.570.601	70.871.873.448
Xí nghiệp Bình Lợi		46.838.501.824	64.799.184.706
Xí nghiệp Bình Dương		4.321.959.817	1.499.993.486
Xí nghiệp Lớp Radial		94.035.368.320	
Hàng hóa (TK 156)		3.806.449.366	870.338.642
Văn phòng Tp.HCM		3.722.981.720	734.858.245
Xí nghiệp Đồng Nai		5.693.715	45.191.387
Xí nghiệp Hóc Môn		77.773.931	90.288.510
8. Thuế GTGT được khấu trừ (TK133)		15.794.534.660	117.598.833.832
- Thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)		15.794.534.660	117.598.833.832
Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế			
9. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		1.549.768.489	941.866
Văn phòng Tp.HCM		1.406.265.242	941.866
- Thuế xuất nhập khẩu (TK 3333)		96.502.143	941.866
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		1.309.763.099	
Xí nghiệp Đồng Nai		143.503.247	
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		143.503.247	
10. Tài sản ngắn hạn khác		413.810.540	786.649.812
10.1 Tam ứng (Tk 141)		367.796.388	315.520.342

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014 Ngoại tệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>253.041.892</u>	<u>166.256.892</u>
Trong đó:			
- Hoàng Lê Bình		156.131.892	166.256.892
- Lương Hòa Hiệp		49.420.000	
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>95.000.000</u>	<u>9.000.000</u>
- Trương Thủy Hồng			9.000.000
- Trần Thị Hoa		30.000.000	
- Nguyễn Thị Thảo		65.000.000	
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>			<u>140.263.450</u>
- Châu Minh Khoa			10.000.000
- Nguyễn Thiện Vũ			5.000.000
- Đinh Văn Thạch			2.000.000
- Nguyễn Vũ Trọng Đức			6.000.000
- Nguyễn Mạnh Triết			10.000.000
- Hoàng Đăng Phái			27.140.000
- Nguyễn Phạm Thanh Long			2.000.000
- Phan Thị Hải Yến			78.123.450
<u>Xí nghiệp Lớp Radial</u>		<u>19.754.496</u>	
- Hoàng Vĩnh Phúc		17.600.000	
- Lý Minh An		2.154.496	
<u>10.2 Thẻ chấp, ký quỹ, ký cược (Tk 144)</u>		<u>46.014.152</u>	<u>471.129.470</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>29.795.061</u>	<u>459.910.379</u>
- Thẻ chấp ký quỹ, ký cược		<u>29.795.061</u>	<u>459.910.379</u>
<u>ngắn hạn VND (TK 1441)</u>			
+ Ký quỹ tại công ty chứng khoán SSI		8.175.656	8.090.974
+ Tiền ký quỹ đấu thầu găng tay của XN - Ngân hàng Công thương			430.200.000
+ Bệnh viện Nguyễn Trãi		6.695.760	6.695.750
+ Sở GD II NHCT Việt Nam		3.923.655	3.923.655
+ Bệnh viện 115		6.000.000	6.000.000
+ Tiền cọc thuê máy foto - Cty Minh Đại Lợi		5.000.000	5.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
Xí nghiệp Bình Lợi		16.219.091	11.219.091
- Ký quỹ mở LC (Đặt cọc tiền thuê máy văn phòng với công ty Kỹ Nguyên)		7.000.000	7.000.000
- Đặt cọc tiền nước uống Công ty Toà xe lửa Sài Gòn		4.219.091	4.219.091
- Máy photo 2(P.KD)		5.000.000	



(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định

11. Tài sản cố định hữu hình (TK 211)

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	161.381.961.162	544.970.245.104	18.580.498.806	3.255.202.884	728.167.907.756
2. Số tăng trong kỳ	598.545.173.736	867.339.284.718	10.484.548.229	1.046.784.880	1.477.415.791.563
Trong đó: - Mua sắm mới	6.567.584.894	15.411.352.950	345.000.000	333.746.000	22.557.683.844
- Tăng từ dự án Radlat	591.977.588.842	847.277.032.320	7.264.492.117	813.038.880	1.447.332.152.159
- Chuyển từ thuê tài chính		4.650.899.448			4.650.899.448
- Chuyển từ máy móc thiết bị sang phương tiện vận tải			2.875.056.112		2.875.056.112
3. Số giảm trong kỳ	4.607.983.876	10.094.062.262	495.800.000		15.197.845.838
Trong đó: - Thanh lý, nhượng bán		7.162.785.850	182.000.000		7.344.785.850
- Giảm TSCĐ do chưa đủ điều kiện (XN Bình Lợi)	930.501.899				930.501.899
- Điều chỉnh giảm theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	2.892.958.477	55.220.300	313.800.000		3.262.978.777
- Chuyển từ máy móc thiết bị sang phương tiện vận tải		2.875.056.112			2.875.056.112
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ	784.523.000				784.523.000
4. Số dư cuối kỳ	755.319.151.523	1.403.215.467.560	28.549.247.035	4.301.987.564	2.190.385.853.681
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	106.159.728.288	458.502.921.349	14.231.143.181	2.425.059.999	581.318.852.817
2. Số tăng trong kỳ	39.337.523.402	98.186.639.822	2.017.915.269	412.839.660	137.954.918.153
Trong đó: - Trích khấu hao	39.337.523.402	93.328.274.536	2.017.915.269	412.839.660	135.096.552.867
- Chuyển từ thuê tài chính		2.858.365.286			2.858.365.286
3. Số giảm trong kỳ		6.743.010.181	182.000.000		6.925.010.181
- Thanh lý, nhượng bán		6.743.010.181	182.000.000		6.925.010.181
4. Số dư cuối kỳ	145.497.251.690	547.946.550.990	16.067.058.450	2.837.899.659	712.348.760.789

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định

11. Tài sản cố định hữu hình (TK 211)

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
III. Giá trị còn lại					
1. Số dư đầu kỳ	55.222.232.874	86.467.323.755	4.329.355.625	830.142.685	146.849.054.939
2. Số dư cuối kỳ	609.821.899.832	854.268.916.570	12.482.188.585	1.464.087.905	1.478.037.092.892

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản cho vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 421.606.717.691 VND

- Nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2014 chờ thanh lý: 0 VND

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định đang sử dụng tại các xí nghiệp.

Nguyên giá tại ngày 31/12/2014

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
1. Văn phòng công ty	8.555.088.444	18.018.432.412	8.918.241.349	1.993.438.512	37.485.200.717
2. Xí nghiệp Cao su Đồng Nai (Đồng Nai 1)	15.374.312.771	40.221.629.834	1.574.836.756	644.140.279	57.814.919.640
3. Xí nghiệp Cao su Đồng Nai (Đồng Nai 2)	28.072.460.381	109.106.223.095	629.969.000	35.068.000	137.843.720.476
4. Xí nghiệp Cao su Hóc Môn	33.942.208.779	100.926.646.563	1.820.643.200	550.941.110	137.240.439.652
5. Xí nghiệp Cao su Điện Biên	15.800.000	118.711.095			134.511.095
6. Xí nghiệp Cao su Tân Bình	4.979.253.716	588.859.032	50.000.000	67.580.909	5.685.693.657
7. Xí nghiệp Cao su Việt Hưng	1.207.858.813	11.496.810.310	455.052.720		13.159.721.843
8. Xí nghiệp Cao su Bình Lợi	19.180.873.564	65.230.992.704	1.974.599.290	197.779.874	89.584.245.432
9. Xí nghiệp Cao su Bình Dương	62.121.689.588	210.358.065.048	3.185.156.491		275.664.911.127
10. Xí nghiệp Lớp Radial	581.869.605.466	843.149.097.467	9.825.748.229	813.038.880	1.435.657.490.042
Cộng toàn công ty	755.319.151.522	1.402.215.467.560	28.434.247.035	4.301.987.564	2.190.270.853.681

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH		
	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ			
1. Số dư đầu kỳ	20.781.346.310		20.781.346.310
2. Số tăng trong kỳ		2.875.581.843	2.875.581.843
<i>Trong đó: - Mua sắm mới</i>		2.875.581.843	2.875.581.843
3. Số giảm trong kỳ	4.650.899.448		4.650.899.448
<i>- Chuyển sang máy móc thiết bị</i>	4.650.899.448		4.650.899.448
4. Số dư cuối kỳ	16.130.446.862	2.875.581.843	19.006.028.705
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu kỳ	7.279.953.391		7.279.953.391
2. Số tăng trong kỳ	2.882.195.288	178.512.276	3.060.707.564
3. Số giảm trong kỳ	2.858.365.286		2.858.365.286
<i>- Chuyển sang máy móc thiết bị</i>	2.858.365.286		2.858.365.286
4. Số dư cuối kỳ	7.303.783.393	178.512.276	7.482.295.669
III. Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	13.501.392.919		13.501.392.919
2. Số dư cuối kỳ	8.826.663.469	2.697.069.567	11.523.733.036

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**13. Tài sản cố định vô hình**

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH			Tổng cộng
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	
I. Nguyên giá TSCĐ				
1. Số dư đầu kỳ	159.589.978.555	1.549.864.155	6.635.742.094	167.775.584.804
2. Số tăng trong kỳ	91.116.214.300			91.116.214.300
3. Số giảm trong kỳ	10.616.553.969			10.616.553.969
- Kết chuyển quyền sử dụng đất công trình số 09 Nguyễn Khoái sang đầu tư dài hạn.	10.616.553.969			10.616.553.969
4. Số dư cuối kỳ	240.089.638.886	1.549.864.155	6.635.742.094	248.275.245.135
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu kỳ	1.694.686.838	1.293.102.198	6.550.635.304	9.538.424.340
2. Số tăng trong kỳ	377.124.120	119.371.290	85.106.790	581.602.200
3. Số giảm trong kỳ				
4. Số dư cuối kỳ	2.071.810.958	1.412.473.488	6.635.742.094	10.120.026.540
III. Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu kỳ	157.895.291.717	256.761.957	85.106.790	158.237.160.464
2. Số dư cuối kỳ	238.017.827.928	137.390.667		238.155.218.595

Giá trị còn lại TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ : 7.566.277.941 VND

Trong đó:

Quyền sử dụng đất Bình Dương: 7.566.277.941 VND

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014 Ngoại tệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)		67.000.872.054	1.121.784.981.422
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>63.179.910.592</u>	<u>1.120.983.561.382</u>
<u>Mua sắm TSCĐ (TK 2411)</u>		<u>9.080.492.309</u>	<u>803.017.695.991</u>
Dự án lớp Radial toàn thép		166.917.510	598.601.440.161
- Móng trạm cân 100 tấn		166.917.510	
- Máy cắt bố thép sản xuất lớp toàn thép SCM-K1400			52.812.230.992
- Máy luyện cao su F305(RADIAL BD)			78.098.689.104
- Máy ép suất tấm (RADIAL BD)			5.887.746.637
- Máy đẩy lớp bố vỏ xe cấp độ không			26.949.028.129
- Máy cán tráng màng thép			40.662.178.968
- Máy làm nguội BTP của máy luyện CS 370L			7.825.786.820
- Máy đúc ép kép mặt bên lớp xe			260.984.438
- Máy đúc ép kép ta lông lớp xe			59.052.240.000
- Máy cân đong HC tự động cho máy luyện CS			16.505.363.179
- Máy chia cuộn vải nhiều dao			65.601.299
- Dây chuyền làm tanh			15.586.363.470
- Máy đẩy lớp bố vỏ xe cấp độ không			211.937.120
- Máy thành hình lớp Radial 3 trống số 3			2.642.724.083
- Máy thành hình Radial 3 trống (Radial)			38.034.291.661
- Máy luyện cao su XKY-660B1 số 1			53.562.730
- Máy luyện cao su XKY-660B1 số 2			9.436.749.600
- Máy kiểm tra lớp xe RADIAL			13.842.562.569
- Máy thành hình lớp xe RADIAL			2.660.656.218
- Máy thành hình lớp xe Radial 3 trống số 4 (TK1332)			38.423.828.764
- Máy luyện cao su XKR-66B (số 2) RADIAL TK1828			3.363.797.037
- Máy luyện cao su XKR-660B (RADIAL) TK1709			3.048.573.238
- Máy đo độ cân bằng lớp xe FDBR (RADIAL) TK1622			13.491.102.719
- Máy luyện XKR-660A(SỐ 1) RADIAL			36.102.207
- Máy luyện XKR-660A(SỐ 2) RADIAL			5.668.880.000
- Máy luyện cao su F305 (RADIAL BD)			94.793.000
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 5) RADIAL			4.508.496.790
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 4) RADIAL			9.017.155.142
- Bộ phận làm nguội BTP cho máy luyện (8 cái) RADIAL			277.832.081
- Thiết bị làm nguội BTP cho hệ thống máy luyện (8 cái) RADIAL			13.585.284.310

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
- Bộ phận tự động đóng mở khuôn máy LH (11 bộ) RADIAL			11.794.325.481
- Trạm động lực lưu hóa lớp cao su (RADIAL)			17.667.970.589
- Máy luyện XKR-660A (SỐ 4) RADIAL			40.228.915
- Máy luyện XKR-660A (SỐ 3) RADIAL			5.652.836.000
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 1) RADIAL			9.014.225.682
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 6) RADIAL			9.006.064.285
- Phụ tùng thay thế 10mm (50 C) RADIAL TK 2106			66.931.825
- Thiết bị kiểm tra độ cứng bằng lớp máy gia công cao su (RADIAL) TK 2186			1.342.138.914
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 8) RADIAL			4.499.305.836
- Máy luyện cao su XKR-660B (RADIAL) (SỐ 1) TK 2127			3.037.398.370
- Máy luyện cao su XKR-660B (SỐ 2) RADIAL TK 2082			3.037.398.370
- Phụ tùng máy LH cao su bằng tải chuyển lớp sau LH (2 bộ) RADIAL TK 2104			2.906.584.017
- Phụ tùng thay thế 10mm (50c) RADIAL TK 2106			1.703.916
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 9) RADIAL			4.501.365.643
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 9) RADIAL			4.503.108.870
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 11) RADIAL			9.004.095.141
- Máy làm lạnh nước ly tâm 3 giai đoạn 1& 2 (RADIAL)			16.585.093.839
- Bảng điều khiển trung tâm (RADIAL) TK 2733			9.412.315.734
- Khuôn đúc máy lưu hóa RADIAL (11.00R20 CA604A) (2C) TK 2640			6.058.792.455
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 15) RADIAL			4.506.997.156
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 16) RADIAL			4.504.182.974
- Khuôn đúc cao su CA663D RADIAL (2 bộ) TK 2805			9.351.833.850
Máy móc sản xuất của các xí nghiệp		8.913.574.799	4.416.255.830
- Máy luyện XK_550 (HM) TK 198		1.171.935.279	
- Máy lưu hóa sấm (HM) TK 100024617340		908.162.233	
- Máy ép sấm WA901-220 (HM) Số 2 TK 100058321750		1.198.621.096	
- Máy ép cao su BTP số 1 (HM) TK 100089159550		310.349.836	
- Máy thành hình DOUBLE lớp cao su (RC_LT1516) (ĐN 2) TK 100169371410		3.418.135.381	
- Máy thành hình lớp cao su (RC_LT15) (ĐN 2) TK 100169396720		1.136.012.497	
- Máy lưu hóa sấm SC_TCP (HM) TK 100225438940		770.358.477	
- Máy cân tự động lưu huỳnh (XNBD)			1.450.289.809

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
- Máy sản xuất săm WG910-350(HM) TK1750			1.628.621.299
- Máy mài dụng cụ công nghiệp (BD) TK 2491			177.504.959
- Máy ép xăm cao su (HM) TK 2806			1.159.839.773
Xây dựng cơ bản (TK 2412)		54.099.418.282	517.965.865.391
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của phòng cơ năng		2.216.318.760	9.808.659.343
Công trình nhà văn phòng 180 NTMK Q3		4.767.704.923	17.066.698.796
Quyền sử dụng đất XN Bình Dương		47.115.394.600	
Dự án lớp Radial toàn thép			491.090.607.252
<u>Xi nghiệp Đồng Nai</u>			22.096.040
<u>Chi phí xây dựng cơ bản (TK 2412)</u>			22.096.040
<u>Xi nghiệp Hóc Môn</u>		3.412.324.305	779.324.000
<u>Chi phí xây dựng cơ bản (TK 2412)</u>		3.412.324.305	779.324.000
- Máy lưu hóa yếm đôi số 3 và 4		143.393.154	
- Máy lưu hóa continental số 12		777.576.157	
- Máy lưu hóa piston đôi lớp scooter 1		402.941.637	
- Máy lưu hóa piston đôi lớp scooter 2		402.513.807	
- Máy lưu hóa piston đôi lớp scooter 3		395.027.158	
- Máy lưu hóa piston đôi lớp scooter 4		511.810.341	
- Máy lưu hóa piston đôi lớp scooter 5		397.222.256	
- Máy lưu hóa đôi 36in		381.839.795	
- Máy mài từ nisco 200x600			54.500.000
- Máy phòng cháy chữa cháy PA/KTCN/ĐT			101.500.000
- Hệ thống PCCC			623.324.000
<u>Xi nghiệp Bình Lợi</u>		137.113.439	
<u>Mua sắm TSCĐ (TK 2411)</u>		137.113.439	
- Sửa chữa tăng TSCĐ(máy lưu hóa số 9		137.113.439	
<u>Xi nghiệp Lớp Radial</u>		271.523.718	
<u>Sửa chữa lớn TSCĐ (TK 2413)</u>		271.523.718	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SỰ MIỀN NAM

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng (tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
Ngoại tệ	VND	VND

15. Bất động sản đầu tư (TK 217) - Dự án số 09 Nguyễn Khoái

Khóa mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	8.089.092.500	-	8.089.092.500
- Nhà	-	8.089.092.500	-	8.089.092.500
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	-	-	-	8.089.092.500
- Nhà	-	-	-	8.089.092.500

16. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh**9.650.345.815****13.157.415.319**Văn phòng Tp.HCM

- Công ty CP Phillips Carbon Black VN

9.650.345.815

13.157.415.319

17. Chi phí trả trước dài hạn (TK 242)**8.866.633.652****755.145.892**Văn phòng Tp.HCM1.523.706.549

- Dụng cụ tháo lắp lốp ô tô

150.000.000

- Chi phí dịch vụ pháp lý đất HM

383.116.882

- Chi phí hệ thống camera

206.066.667

- Công cụ dụng cụ của dự án Radial

784.523.000

Xí nghiệp Đồng Nai1.465.100.000

- Chi phí khuôn

1.465.100.000

Xí nghiệp Hóc Môn2.051.852.000

- Chi phí khuôn mẫu

2.051.852.000

Xí nghiệp Bình Lợi2.437.833.733

- Chi phí khuôn

2.154.541.668

- Công cụ dụng cụ các xưởng sử dụng phục vụ sản xuất

163.066.668

- Kiểm định

50.436.665

- Bảo hiểm

69.288.731

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014 Ngoại tệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xí nghiệp Bình Dương		793.568.330	755.145.892
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		303.025.026	472.325.063
- Phí bảo hiểm tài sản cố định		307.706.243	282.820.829
- Xử lý chất thải		25.000.001	
- Phân bổ máy photocopy		53.400.000	
- Xử lý BTP		90.865.893	
- Xử lý mặt lớp		13.571.167	
Xí nghiệp Lốp Radial		595.073.040	
- Chi phí bảo hiểm rủi ro cháy nổ		595.073.040	
18. Tài sản dài hạn khác		785.157.846	470.152.846
Kế quỹ, ký cược dài hạn (TK244)		785.157.846	470.152.846
Vấn phòng Tp.HCM		785.157.846	470.152.846
+ Ký quỹ điện kế - Cty điện lực Sài Gòn		10.152.846	10.152.846
+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00087-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		200.145.000	
+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		114.860.000	
+ HD 20/2012/TSC-CTTC (ký quỹ thuê tài chính) - Cty cho thuê tài chính TNHH MTV (Viettinbank leasing)		460.000.000	460.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
19. Vay và nợ ngắn hạn		<u>618.521.120.929</u>	<u>444.288.263.161</u>
Vấn phòng TP.HCM		<u>618.521.120.929</u>	<u>444.288.263.161</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>USD 10.421.770</u>	<u>614.446.476.997</u>	<u>440.890.571.161</u>
Vay hạn mức bằng VND (TK 3111)		<u>393.025.561.563</u>	<u>395.749.539.928</u>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN CN TPHCM		230.479.789.117	319.741.905.418
+ Ngân hàng HSBC			15.280.638.627
+ Ngân hàng ANZ		5.087.106.500	
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn		35.583.899.417	
+ Ngân hàng Chinatrust		12.000.000.000	
+ Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV		99.773.766.529	20.593.965.000
+ Ngân hàng IINDO CN Bến Thành			2.985.944.500
+ Ngân hàng ShinHan		10.101.000.000	37.147.086.383
Vay hạn mức tín dụng bằng ngoại tệ (TK 3112)	<u>USD 10.421.770</u>	<u>221.420.915.434</u>	<u>45.141.031.283</u>
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - CN TPHCM	USD 5.340.860,26	113.471.917.084	27.573.027.455
+ Ngân hàng Indovina			
+ Ngân hàng HSBC	USD 2.532.115,27	53.797.321.026	
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD 156.480,00	3.324.574.080	4.452.900.480
+ Ngân hàng Standard Chartered	USD 301.560,00	6.406.943.760	
+ Ngân hàng TMCP Công Thương VN-CN Đông Sài Gòn	USD 834.624,00	17.732.421.504	
+ Ngân hàng IINDO CN Bến Thành	USD 188.000,00	3.994.248.000	9.048.423.775
+ Ngân hàng ShinHan	USD 343.490,00	7.297.788.540	4.066.679.520
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Bến	USD 224.640,00	4.772.701.440	
+ Ngân hàng Standard Chartered	USD 500.000,00	10.623.000.000	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
<u>Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 315)</u>		<u>4.074.643.932</u>	<u>3.397.692.000</u>
+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00087-060 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		413.106.552	
+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		263.845.380	
+ HD 20/2012/TSC-CTTC (ký quỹ thuê tài chính) - Cty cho thuê tài chính TNHH MTV (Viettinbank leasing)		3.397.692.000	3.397.692.000
<u>20. Phải trả cho người bán (TK 331)</u>		<u>142.833.131.604</u>	<u>196.020.173.003</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>131.985.624.453</u>	<u>188.047.289.254</u>
+ Trong nước:		93.265.484.835	111.305.907.091
+ Ngoài nước:		38.720.139.618	76.741.382.163
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>4.756.381.926</u>	<u>2.879.261.255</u>
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>4.875.085.991</u>	<u>3.520.454.525</u>
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>558.717.789</u>	<u>1.288.764.269</u>
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>40.942.800</u>	<u>284.403.700</u>
<u>Xí nghiệp Lốp Radial</u>		<u>616.378.645</u>	
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>21. Người mua trả tiền trước (TK 131)</u>		<u>2.552.611.213</u>	<u>2.543.620.553</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>2.301.634.841</u>	<u>2.267.635.829</u>
+ Trong nước:		243.640.859	315.510.361
+ Ngoài nước:		2.057.993.982	1.952.125.468
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>36.708.666</u>	<u>123.044.725</u>
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>1.034.706</u>	<u>52.666.999</u>
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>213.233.000</u>	<u>100.273.000</u>
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</u>		<u>25.062.471.328</u>	<u>39.807.850.676</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM (TK 333)</u>		<u>25.018.494.003</u>	<u>38.733.718.769</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)		24.544.993.586	37.892.110.039
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)			841.608.730

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
- Các loại thuế khác (TK 3338)		473.500.417	
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>			<u>595.559.474</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)			595.559.474
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>1.460.200</u>	<u>283.452.926</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)			283.452.926
- Thuế tài nguyên (TK 3336)		1.460.200	
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>			<u>109.273.550</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)			109.273.550
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>38.470.404</u>	<u>85.845.957</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		38.470.404	85.845.957
<u>Xí nghiệp Lốp Radial</u>		<u>4.046.721</u>	
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		4.046.721	
Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.			
<u>23. Phải trả người lao động (TK 334)</u>		<u>111.230.349.419</u>	<u>91.842.012.751</u>
Văn phòng Tp.HCM		91.498.304.638	75.038.863.855
Xí nghiệp Đồng Nai		7.665.634.365	7.407.478.547
Xí nghiệp Hóc Môn		5.078.929.688	4.580.371.314
Xí nghiệp Bình Lợi		2.299.175.681	2.212.807.757
Xí nghiệp Bình Dương		2.360.170.087	2.602.491.278
Xí nghiệp Lốp Radial		2.328.134.962	
<u>24. Chi phí phải trả (TK 335)</u>		<u>53.244.945.057</u>	<u>40.118.565.339</u>
Chi phí tiêu thụ của Văn phòng Tp.HCM		50.580.085.648	37.771.621.521
Chi phí tiêu thụ của Xí nghiệp Đồng Nai		491.584.650	740.712.950
Chi phí tiêu thụ và chi phí điện Xí nghiệp Hóc Môn		363.640.251	56.240.330
Chi phí điện, nước sản xuất của Xí nghiệp Bình Lợi		743.467.280	612.035.681
Chi phí sản xuất của Xí nghiệp Bình Dương		768.780.376	987.954.857

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND

Chi phí sản xuất của Xí nghiệp Lốp Radial 297.386.857

Ghi chú: Các khoản chi phí trích trước vào TK335 đã được đơn vị thanh toán vào tháng 01, 02 năm 2015.

Xem chi tiết nội dung trong các báo cáo bộ phận

25. Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 338) 133.630.998.815 9.373.048.159**25.1 Phải trả khác (TK 138) 135.000.000**

Xí nghiệp Đồng Nai 135.000.000

Phải thu khác (TK13881) 135.000.000

25.2 Phải trả khác (TK 338) 133.630.998.815 9.238.048.159

Văn phòng Tp.HCM 132.139.187.070 7.644.295.663

Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (TK 3381) 93.669.400 81.769.400

Kinh phí công đoàn (TK 33821) 2.750.312.310 2.937.606.001

Trả về cổ phần hóa - Phải trả Tổng Công ty (TK 3385) 174.835.866 174.835.866

Phải trả, phải nộp khác (TK 3388) 129.120.369.494 4.450.084.396

+ Phải trả khác (TK 33881) 129.120.369.494 4.450.084.396Trong đó:

Chi phí dự án 910.785.940

Chi phí khác 11.785.369.494 3.539.298.456

Phải trả tiền chuyển nhượng dự án số 09 Nguyễn Khoái 117.335.000.000

Xem chi tiết đối lượng trong các báo cáo bộ phận

Xí nghiệp Đồng Nai 1.095.618.506 808.452.182

- Kinh phí công đoàn (Tk 33821) 1.056.004.795 729.307.620

- Nhập quỹ công đoàn (Tk 33822) 0 66.534.358

- Bảo hiểm y tế (TK 3384) 8.018.388

- Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3389) 31.595.323 12.610.204

Xí nghiệp Hóc Môn 152.618.510 501.218.686

- Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (Tk 3381) 100.000.000 450.000.000

- Kinh phí công đoàn (TK 33821) 52.618.510 51.218.686

- Phải trả khác (TK 3388) 0

Xí nghiệp Bình Lợi 73.633.837 63.439.155

- Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (TK 3381) 37.500.000 27.500.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
- Kinh phí công đoàn (TK 33821)		14.495.837	14.301.155
- Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)		21.638.000	21.638.000
Xí nghiệp Bình Dương		104.772.511	220.642.473
- Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (TK 3381)		104.772.511	169.266.473
- Khoản phải trả khác (Tk 33881)		0	51.376.000
Xí nghiệp Lốp Radial		65.168.381	
- Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (TK 3381)		62.376.441	
- Khoản phải trả khác (Tk 33881)		2.791.940	
26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.809.893.072	20.434.197.024
Quỹ khen thưởng (TK 3531)		18.742.569.294	11.511.892.997
- Văn phòng TP.Hồ Chí Minh		16.702.209.953	9.731.456.980
- Xí nghiệp Đồng Nai		687.004.005	698.810.672
- Xí nghiệp Hóc Môn		507.694.010	504.064.010
- Xí nghiệp Bình Lợi		356.759.226	173.009.226
- Xí nghiệp Bình Dương		287.902.100	404.552.100
- Xí nghiệp Lốp Radial		221.000.000	
Quỹ phúc lợi (TK 35321)		12.067.323.778	8.922.304.027
- Văn phòng TP.Hồ Chí Minh		9.889.177.821	7.231.282.843
- Xí nghiệp Đồng Nai		1.065.685.735	789.986.995
- Xí nghiệp Hóc Môn		533.205.096	536.341.846
- Xí nghiệp Bình Lợi		169.581.326	126.467.128
- Xí nghiệp Bình Dương		300.503.300	239.225.215
- Xí nghiệp Lốp Radial		109.170.500	
27. Phải trả dài hạn khác		11.550.000.000	3.895.725.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Tk 344)		11.550.000.000	3.895.725.000
Văn phòng Tp.HCM		11.550.000.000	3.895.725.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của khách hàng trong nước (TK 344)		11.550.000.000	3.895.725.000
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
28. Vay và nợ dài hạn		881.295.791.846	813.620.804.711

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Ngoại tệ	VND	VND
Vấn phòng TP.HCM			
Vay dài hạn (TK 341)		878.527.269.057	809.090.557.049
Vay dài hạn dự án Radian (TK 34111)-VND- NH TMCP Ngoại thương		303.835.687.805	222.639.043.664
Vay dài hạn dự án Radian (TK 34112)-USD- NH TMCP Ngoại thương	USD 22.196.079,27	471.577.900.170	451.462.130.305
Vay trung dài hạn NH ngoại thương (TK 3412)			57.175.000.000
Vay ngân sách nhà nước (TK 3415)		857.627.240	857.627.240
Vay vốn CBCNV (TK 3416)		102.256.053.842	76.956.755.840
Vay dài hạn NH Indovina (TK 3417)			
Nợ dài hạn (TK 342)		2.768.522.789	4.530.247.662
Vay thuê mua tài chính (TK 3421)		2.768.522.789	4.530.247.662
+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00087-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		998.340.808	
+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		637.626.319	
- HĐ 20/2012/TSC-CTTC - Cty cho thuê tài chính TNHH MTV Viettinbank leasing		1.132.555.662	4.530.247.662
29. Thuế TNDN hoãn lại phải trả (TK 347)		165.379.497	391.737.692
a) Khoản chênh lệch tỷ giá của các khoản tiền, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu do đánh giá số dư cuối năm ngày 31/12/2014:	751.724.985		
b) Tỷ suất tính thuế TNDN:		22%	
c) Thuế TNDN hoãn lại phải trả: a x b		165.379.497	
30. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (TK 356)		55.075.000.000	40.000.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
A	31	32	35	33	34
Số dư đầu năm trước	585.177.470.000	(12.050.000)	280.880.302.565	74.449.668.910	26.262.328.928
Tăng vốn trong năm trước	87.764.580.000		(87.764.580.000)		
+ Phát hành chứng khoán					
+ Tăng vốn điều lệ từ cổ tức được chia năm 2011					
Cổ phiếu quỹ					
Lãi trong năm trước			360.066.339.275		
Trích quỹ đầu tư phát triển			(12.694.190.679)	12.694.190.679	
Trích quỹ dự phòng tài chính			(12.694.190.679)		12.694.190.679
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(21.310.705.086)		
Chia cổ tức			(87.774.810.000)		
Giảm khác					
Số dư cuối năm trước	672.932.050.000	(12.050.000)	418.718.165.396	87.143.849.589	38.956.519.605
Tăng vốn trong năm nay					
Cổ phiếu quỹ					
Lãi trong năm nay			330.964.283.857		
Trích quỹ đầu tư phát triển			(72.013.267.855)	72.013.267.855	
Trích quỹ dự phòng tài chính			(18.003.316.964)		18.003.316.964
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(29.305.307.142)		
Trích khen thưởng cho Ban quản lý từ lợi nhuận					
Chia cổ tức			(154.771.600.000)		
Tăng khác					
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	672.932.050.000	(12.050.000)	476.688.567.292	159.157.117.444	56.959.836.069

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2014	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	01/01/2014	Tỷ lệ
- Vốn đầu tư của nhà nước	34.321.980	343.219.800.000	51,00%	34.321.980	343.219.800.000	51,00%
- Vốn góp của các đối tượng khác	32.971.226	329.712.260.000	49,00%	32.971.226	329.712.260.000	49,00%
Cộng	67.293.206	672.932.060.000	100%	67.293.206	672.932.060.000	100%

- Giá trị trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm
- Số lượng cổ phiếu quỹ 1.205

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
36. Doanh thu bán hàng	<u>3.188.012.320.749</u>	<u>3.166.282.125.064</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>3.065.238.476.642</u>	<u>2.830.695.675.389</u>
- Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	6.307.449.508	12.969.343.592
- Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	8.232.166.471	4.536.597.444
- Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	916.515.364.972	912.142.183.272
- Doanh thu sản phẩm HH-KM có thuế (TK 51128)	4.139.718.822	7.677.327.843
- Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	2.127.392.497.626	1.890.670.833.889
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	448.832.859	548.069.746
- Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	2.202.446.384	2.151.319.603
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>113.455.167.781</u>	<u>235.593.782.206</u>
Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 5111)	9.339.696	95.368.160
Doanh thu bán các thành phẩm (TK 5112)	113.445.828.085	235.498.414.046
<u>Xí nghiệp Học Môn</u>	<u>8.275.431.988</u>	<u>98.946.528.523</u>
Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	712.326.543	938.984.700
Doanh thu bán các thành phẩm (TK 5112)	7.563.105.445	98.007.543.823
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>1.943.244.338</u>	<u>1.046.138.946</u>
Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	44.834.338	60.188.946
Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	1.898.910.000	985.950.000
37. Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>10.687.215.254</u>	<u>32.493.177.374</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>10.564.147.925</u>	<u>23.897.718.700</u>
- Chiết khấu thương mại	6.775.923.262	22.434.181.270
- Thành phẩm bị trả lại	3.788.224.663	1.463.537.430
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>14.441.303</u>	<u>3.893.195.810</u>
- Chiết khấu thành phẩm		3.893.195.810
- Thành phẩm bị trả lại	14.441.303	
<u>Xí nghiệp Học Môn</u>	<u>108.626.026</u>	<u>4.702.262.864</u>
- Chiết khấu thành phẩm	108.626.026	4.677.054.254
- Thành phẩm bị trả lại		25.208.610
38. Giá vốn hàng bán (Tk 632)	<u>2.351.974.054.975</u>	<u>2.296.387.280.882</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Văn phòng Tp.HCM	2.263.681.686.027	2.057.261.320.771
Xí nghiệp Đồng Nai	81.525.776.681	168.017.017.745
Xí nghiệp Hóc Môn	5.817.650.164	70.705.440.306
Xí nghiệp Bình Lợi	948.942.103	403.502.060
39. Doanh thu hoạt động tài chính (Tk 515)	16.288.829.712	45.299.184.979
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>16.186.024.584</u>	<u>45.141.240.036</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi (Tk 5151)	6.747.476.298	7.536.330.887
- Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư vào đơn vị khác (Tk 5152)		4.323.155.000
+ Lãi cổ tức Công ty CP Cao su Phước Hòa (năm 2012)		505.965.000
+ Lãi nhận được từ liên doanh Yokohama		3.817.190.000
- Doanh thu tài chính khác (Tk 5153)	9.438.548.286	33.281.754.169
+ Bán chứng khoán công ty CP Cao su Phước Hòa (956.770 Cổ phiếu)		30.933.373.333
+ Chuyển nhượng 4.000.000 cổ phần Công ty CP Địa ốc Tân Thuận Việt cho Công ty CP Bất động sản BNP GLOBAL	6.305.000.000	
+ Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	751.724.985	1.566.950.766
+ Doanh thu tài chính khác (chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ)	2.381.823.301	781.430.070
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>54.703.250</u>	<u>109.408.785</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi (Tk 5151)	54.703.250	109.408.785
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>17.699.634</u>	<u>21.024.659</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi (Tk 5151)	17.699.634	21.024.659
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>6.405.327</u>	<u>10.684.600</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi	6.405.327	10.684.600
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>	<u>21.846.331</u>	<u>16.826.899</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi	21.846.331	16.826.899

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<u>Xí nghiệp Lốp Radial</u>	<u>2.150.586</u>	
- Tiền thu từ lãi tiền gửi	2.150.586	
<u>40. Chi phí hoạt động tài chính (Tk 635)</u>	<u>75.253.277.499</u>	<u>101.914.724.871</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>74.344.705.459</u>	<u>96.054.432.334</u>
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TK 6351)	5.237.930.612	2.788.818.578
- Chi phí lãi vay (TK 6352)	55.821.680.180	40.635.661.235
- Chi phí từ hoạt động tài chính (TK 6353)	40.001.734	26.964.247.079
+ Giá vốn 956.770 Cổ phiếu công ty CP Cao su Phước Hòa		53.309.310.860
+ Chi phí lưu ký SSI	40.001.734	79.010.074
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.424.073.860)
- Chiết khấu thanh toán (TK 6354)	12.245.092.933	25.665.705.447
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>827.425.482</u>	<u>3.950.870.552</u>
- Chiết khấu thanh toán (TK 6354)	827.425.482	3.950.870.552
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>81.146.558</u>	<u>1.909.421.985</u>
- Chiết khấu thanh toán (TK 6354)	81.146.558	1.909.421.985
<u>41. Chi phí bán hàng (Tk 641)</u>	<u>133.210.114.927</u>	<u>97.142.449.449</u>
Chi phí bán hàng của Văn phòng Tp.HCM	128.364.307.494	93.425.074.709
Chi phí bán hàng của Xí nghiệp Đồng Nai	3.970.592.326	2.314.014.679
Chi phí bán hàng của Xí nghiệp Hóc Môn	346.949.307	1.144.996.183
Chi phí bán hàng của Xí nghiệp Bình Lợi	528.265.800	258.363.878
<u>42. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Tk 642)</u>	<u>219.476.505.455</u>	<u>210.430.846.259</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>219.475.423.055</u>	<u>210.426.882.441</u>
- Chi phí nhân viên quản lý (TK 6421)	148.943.665.055	119.308.126.443
- Chi phí vật liệu quản lý (TK 6422)	4.754.788.019	4.073.494.083
- Chi phí đồ dùng văn phòng (TK6423)	5.182.717.246	2.070.707.411
- Chi phí khấu hao TSCĐ (TK 6424)	3.957.773.454	12.519.611.254
- Thuế, phí và lệ phí (TK 6425)	16.848.476.010	3.357.802.342
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6427)	1.503.157.645	1.434.613.971
- Chi phí bằng tiền khác (TK 6428)	38.284.845.626	67.662.526.937

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>1.082.400</u>	<u>3.963.818</u>
43. Thu nhập khác (Tk 711)	12.791.977.840	14.828.974.345
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>11.818.868.352</u>	<u>13.055.571.856</u>
Trong đó		
- Thanh lý tài sản	1.147.272.728	
- Bán phế liệu	1.702.542.000	1.874.651.267
- Phillip Carbon bồi thường hàng bị hỏng	36.220.800	
- Nguyên giá bất động sản đầu tư (công trình số 09 Nguyễn Khoái) theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước năm 2013	8.009.092.500	
- Thu nhập do bán hồ sơ môi trường	915.530.108	
- Thu nhập khác từ giải thể liên doanh Yokohama		10.815.240.859
- Shandong gaotian metal, Trả lại tiền hàng bị hỏng		346.687.185
- Thu nhập khác	8.210.216	18.992.545
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>396.337.637</u>	<u>892.030.120</u>
- Thu bán phế liệu	396.337.637	892.030.120
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>624.000</u>	<u>10.000.000</u>
- Thu bán phế liệu		10.000.000
- Giá công van cho Xí nghiệp Đồng Nai	624.000	
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>538.102.391</u>	<u>871.372.369</u>
Trong đó		
- Bù trừ công nợ thiệt hại hơi bảo hòa tháng 1/2014	16.594.262	
- Tiền bồi thường thiệt hại của công ty Tiến Thành		108.588.156
- Tiền đến bù SP phế do tụt áp tháng 9/2014 của công ty Tín Thành	3.057.759	
- Tiền bồi thường phế lớp tháng 10	17.664.608	
- Bù trừ công nợ công ty Lò Hơi Tín Thành đến bù SP phế do tụt áp tháng 8/2014	5.930.751	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Thu tiền bồi thường 50% giá trị công cụ bị mất cắp của bảo vệ Quang Trung	1.650.000	
- Thu tiền bồi thường tai nạn lao động Lê Minh Hoàng	1.000.000	
- Thu bán phế liệu	492.205.011	733.046.713
- Công ty bảo vệ bồi thường vật tư		28.800.000
- Công ty bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động		937.500
Xí nghiệp Bình Dương	38.045.460	
- Thu tiền bán lốp Radial	38.045.460	
44. Chi phí khác (Tk 811)	1.836.135.225	7.230.287.000
Văn phòng Tp.HCM	1.692.218.114	7.230.287.000
- Thành lý TSCĐ	419.775.669	
- Nộp theo QĐ số 219/QĐ-CT-TT1 ngày 21/01/2014 của Cục thuế TP.Hồ Chí Minh	1.087.933.842	
- Lãi vay Cty Tân Thuận Việt	176.298.387	
- Chi phí khác	8.210.216	
- Trích bổ sung Thuế thu nhập doanh nghiệp 2012 theo biên bản thanh tra tài chính ngày 11/06/2013		121.758.610
- Trích bổ sung Thuế thu nhập doanh nghiệp 2012 theo biên bản thanh tra tài chính ngày 11/06/2013		576.221.052
- Trích bổ sung thuế TNDN năm 2012 theo biên bản kiểm tra thuế của Tổng cục Thuế ngày 18/11/2013		2.614.539.640
- Trích bổ sung thuế VAT đầu ra năm 2012 theo biên bản kiểm tra thuế của Tổng cục Thuế ngày 18/11/2013		3.511.149.027
- Trích bổ sung thuế VAT và thuế TNCN của XN Đồng Nai theo biên bản kiểm tra thuế ngày 15/11/2013		406.618.671
Xí nghiệp Đồng Nai	143.917.111	
- Nộp theo biên bản ngày 13/01/2014 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai	143.917.111	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
45. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (=e+f+g)	<u>94.817.899.304</u>	<u>120.465.740.109</u>
a. Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty	<u>425.555.824.966</u>	
b. Khoản thu nhập loại trừ không phải tính thuế TNDN	<u>9.955.185.875</u>	
c. Khoản chi phí không được trừ khi tính thu nhập tính thuế	<u>1.231.850.953</u>	
- Nộp theo QĐ số 219/QĐ-CT-TT1 ngày 21/01/2014 của Cục thuế TP.Hồ Chí Minh	1.087.933.842	
- Nộp theo biên bản ngày 13/01/2014 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai	143.917.111	
d. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trừ khoản thu nhập loại trừ của toàn công ty (a - b+c)	<u>416.832.490.044</u>	
e. Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty = d x 22%	91.703.147.810	
f. Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Hoàn nhập)	391.737.692	
g. Chi phí thuế TNDN năm 2013 tăng thêm theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước năm 2013	2.723.013.802	
46. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ((46.1) + (46.2))	<u>(226.358.195)</u>	<u>279.439.169</u>
46.1) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả:	<u>(391.737.692)</u>	
46.2) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	<u>165.379.497</u>	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
a) Khoản chênh lệch tỷ giá của các khoản tiền, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu do đánh giá số dư cuối năm ngày 31/12/2014:	751.724.985	
b) Tỷ suất tính thuế TNDN:	22%	
c) Thuế TNDN hoãn lại phải trả: (a x b)	165.379.497	
47. Lợi nhuận sau thuế TNDN (= a-b-c)	330.964.283.857	360.066.339.275
a. Lợi nhuận kế toán trước thuế = 425.555.824.966 đ		
b. Thuế TNDN toàn công ty = 94.817.899.304đ		
c. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại = - 226.358.195đ		
48. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.776	5.856
Cổ phiếu bình quân (67.293.205 - 1.205= 69.292.000 cổ ph Cổ phiếu qui. 1.205 cổ phiếu Lãi cơ bản trên cổ phiếu $330.964.283.857 / 69.292.000 = 4.776đ$		
49. Nợ khó đòi đã xử lý	2.522.175.093	2.522.175.093
DNTN Phát Hưng - 750001	734.987.079	734.987.079
Lê Chí Hoà - BHND - 710002	894.097.480	894.097.480
Nguyễn Hồng Sơn - BHND - 560002	32.677.477	32.677.477
Nguyễn Thị Diễm Thúy - BHND - 560004	1.151.092	1.151.092
Trần Ngọc Tiến - BHND - 500001	13.356.992	13.356.992
CTy Phương Trinh - BHND - 284005	9.999.995	9.999.995
CTy Phương Trinh CN Bình Dương - BHND - 284006	10.000.000	10.000.000
Đặng Thúy Quỳnh - Điện Biên - 044009	45.160.400	45.160.400
DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010	24.980.000	24.980.000
Đình Mạnh Cường - Điện Biên - 044012	34.540.000	34.540.000
Đình Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013	56.799.000	56.799.000
Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014	40.879.400	40.879.400
Anh Quang - Điện Biên - 044015	56.970.400	56.970.400
Huỳnh Tiến Hà - Điện Biên - 044016	59.080.000	59.080.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022	88.592.178	88.592.178
C'Ty TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023	35.178.000	35.178.000
C'Ty CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024	52.767.000	52.767.000
C'Ty CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026	59.199.800	59.199.800
Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030	50.879.400	50.879.400
Đặng Thị Thủy Liễu - Điện Biên - 030045	50.879.400	50.879.400
Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036	170.000.000	170.000.000



(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.

1. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng và các cam kết khác:

- Đến ngày 31/12/2014, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam có khoản công nợ phải thu đối tượng là Nguyễn Minh Phú giá trị 5.838.001.277 VND là khoản nợ phải thu khó đòi. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 5.838.001.277 VND

2. Thông tin về hoạt động liên tục:

Đến ngày 31/12/2014, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

3. Thông tin về giao dịch các bên liên quan

- Đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hóa chất Việt Nam.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội đồng của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường
- Trong năm 2014, Công ty phát sinh các giao dịch với các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
+ Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ		
+ Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Chung tập đoàn	Đến ngày 31/12/2014, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam còn phải thu	1.493.088.608

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung tập đoàn	Đến ngày 31/12/2014, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam còn phải trả	711.884.800
+ Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên hội đồng quản trị	Trong năm 2014, ông Nguyễn Ngọc Phương bán quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam căn cứ theo nghị quyết của hội đồng quản trị số 95/2014/NQ-HDQT ngày 18/07/2014	18.640.000.000
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Thuận Việt		Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam chuyển nhượng 4.000.000 cổ phần Công ty CP Địa ốc Tân Thuận Việt cho Công ty CP Bất động sản BNP GLOBAL	6.305.000.000
		Cộng	27.149.973.408
+ Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc (7 người)		- Lương năm 2014 - Phụ cấp năm 2014 - Thưởng năm 2013 - Thưởng năm 2014	2.333.881.000 336.000.000 1.270.556.102 565.978.049
		Cộng	4.506.415.151

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- + Ông Bùi Thế Chuyên, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, số cổ phiếu nắm giữ 12.048 cổ phiếu
- + Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 141.680 cổ phiếu
- + Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng, số cổ phiếu nắm giữ 30.619 cổ phiếu

- Tại ngày 31/12/2014, Công ty CP Cao su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung	Số dư
Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam phải trả	2.690.000.000
Nguyễn Song Thao	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam phải trả	250.000.000
Nguyễn Thị Thị Thu	Người thân Nguyễn Song Thao (Phó tổng giám đốc)	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam phải trả	1.550.000.000
Phùng Thị Ngọc Thúy	Người thân Nguyễn Minh Thiện (Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng)	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam phải trả	1.590.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM
Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.

A. Báo cáo bộ phận:

- Báo cáo bộ phận của Văn phòng công ty
- Báo cáo bộ phận của Xi nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo bộ phận của Xi nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo bộ phận của Xi nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo bộ phận của Xi nghiệp Bình Dương
- Báo cáo bộ phận của Xi nghiệp Lấp Rài

Các báo cáo bộ trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo theo các khu vực như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh		Xi nghiệp Đồng Nai		Xi nghiệp Hóc Môn		Xi nghiệp Bình Lợi		Tổng	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu thuần	3.054.674.328.717	2.804.797.956.689	113.440.726.478	231.709.586.396	8.166.805.962	94.244.256.859	1.942.244.238	1.046.128.948	3.179.225.105.495	3.133.788.947.690
Giá vốn	2.263.681.686.027	2.057.261.320.771	81.525.776.681	168.017.017.746	5.817.650.164	70.706.440.306	948.942.103	403.602.060	2.351.974.054.975	2.296.387.260.582
Lợi nhuận gộp	790.992.642.690	749.536.635.918	31.914.949.797	63.693.568.651	2.349.155.798	23.538.825.353	994.302.135	642.526.888	826.251.050.520	837.401.686.808

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q8, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chữ bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.**5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b) Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c) Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V 1).

d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e) Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014			
Các khoản vay và nợ	618.521.120.929	881.295.791.840	1.499.816.912.775
Phải trả người bán	120.997.403.793	21.855.727.811	142.853.131.604
Phải trả người lao động	111.230.349.419		111.230.349.419
Chi phí phải trả	53.244.945.057		53.244.945.057
Cộng	903.993.819.198	903.131.519.657	1.807.125.338.855

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.

Tại ngày 31/12/2014, các khoản vay và nợ dài hạn từ 1 năm đến 5 năm là: **881.295.791.846**

- Các khoản vay **878.527.269.057**
 + Vay dài hạn NH ngoại thương phục vụ dự án Radia 775.413.597.975
 + Vay trung dài hạn NH ngoại thương
 + Vay ngân sách nhà nước 867.627.240
 + Vay vốn CBCNV 102.256.053.842

- Các khoản nợ **2.768.522.789**
 + Vay thuê mua tài chính

+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00087-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam) 998.340.808

+ Thuê mua VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam) 697.626.319

- HD 20/2012/TSC-CTTC - Cty cho thuê tài chính TNHH MTV Viettinbank leasing 1.132.555.662

Tại ngày 31/12/2014, khoản phải trả người bán từ 1 năm đến 5 năm là: **21.835.727.811**

- Kiawire Sdn.Bhd 355.906.193

- Master Tyres Enterprise 98.354.924

- Qingdao Mesnac Co., Ltd 1.168.530.000

- Kang Cheng Machinery Industrial Co., Ltd 848.352.780

- Mesnac Co.,Ltd 402.596.828

- TIANJIN SAI XIANG TECHNOLOGY CO., LTD 18.722.778.086

- Công ty TNHH TM DV Ô tô Tín Nghĩa 18.722.000

- Công ty TNHH Hello Quốc tế Việt Nam 16.000.800

- Công ty TNHH MTV Gia Nguyễn 109.486.400

- Công ty TNHH TM DV S-LINK 100.000.000

f) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

g) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2014 Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10, tỷ giá Việt Nam đồng so với USD giữa đầu năm và cuối năm là 21.246.

h) Rủi ro về lãi suất

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

i) Độ nhạy ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

j) Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoại tệ, thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Bùi Anh Dũng

Nguyễn Minh Chiến

Phạm Hồng Phui

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)